

SỚ BỒ-TÁT GIỚI BẢN

QUYỂN HẠ (Phần Đầu)

Trong giải thích giới khinh phần nhiều cũng gồm có ba; một là kết khởi ràng buộc chung; hai là lần lượt giải thích riêng, ba là nói xong tổng kết. Theo phần giải thích riêng, bốn mươi tám giới khinh theo văn đã kết, gồm có năm đoạn, đoạn cuối đều chỉ văn khác, nên có phần nói rộng. Trong năm đoạn này tùy theo văn phân biệt, đều chung cho ba nhóm. Mỗi đoạn đều nói là ác nghiệp thiện, lợi ích chúng sinh. Nên theo luận tát-bà-đa thì mười giới trọng ở trước tách ra làm luật nghi, bốn mươi tám giới sau chia làm hai phần còn lại. Kinh nói giới nhiếp luật nghi gọi là mười Ba-la-di. Giới nhiếp thiện pháp gọi là tám mươi bốn ngàn pháp môn. Giới nhiếp chúng sinh gọi là Từ, Bi, Hỷ, Xả, giáo hóa đến cả chúng sinh, chúng sinh đều được an vui. Lại trong bốn mươi tám giới thì ba mươi giới đầu phần nhiều là giới nhiếp thiện pháp, mười tám giới sau phần nhiều là lợi sinh. Bốn mươi bốn giới khinh trọng Địa Trì thì ba mươi ba giới trước cũng là giới nhiếp thiện pháp, mười một giới sau là lợi sinh. Nên tướng giới kia đây tuy có ẩn hiện, nêu tông phân biệt tướng cũng giống nhau. Lại kinh thì chế giáo bản, luận thì phân biệt nghĩa điều, nên kinh và luận không thể khác nhau. Luận phân biệt giới khoảng chín thứ tượng, tất cả giới thứ hai là phần giới của tại gia và phần giới của xuất gia, ấy gọi là tất cả giới. Lại y theo hai phần tịnh giới này lược nói có ba loại; một là giới luật nghi; hai là giới nhiếp thiện pháp; ba là giới nhiều ích hữu tình. Giới luật nghi là sở thọ của các Bồ-tát. Luật nghi biệt giải thoát của bảy chúng chính là giới của Tỳ-kheo. Cho đến giới cận sự nữ, bảy loại như thế, y chỉ hai phần giới của tại gia và xuất gia. Như cần phải biết ấy gọi là giới luật nghi của Bồ-tát.

Giới nhiếp thiện pháp nghĩa là Bồ-tát thọ giới luật nghi, tất cả sở hữu sau này là đại Bồ-đề, vì thân miệng ý chứa nhóm các điều lành, nói chung gọi là giới nhiếp thiện Pháp. Đây gọi là gì? Nghĩa là các Bồ-tát nương theo giới, trụ trong giới, ở trong chỗ nghe, suy nghĩ và tu tập chỉ

quán, một mình ở chỗ vắng vẻ, siêng năng tu học, thường luôn như vậy, đối với các bậc tôn trưởng siêng năng tu tập chấp tay đón rước, thăm hỏi lễ bái cung kính, tức là đối với bậc tôn trưởng siêng năng tu tập cung kính vâng thờ. Đối với người bệnh thương xót, hết lòng săn sóc, phục dịch cung cấp. Đối với các diệu thuyết bố thí là sự tốt đẹp! Đối với người có công đức Bồ-đặc-già-la đều chân thành khen ngợi. Đối với tất cả hữu tình, tất cả phước nghiệp trong các cõi nước mười phương, đem ý lạc cao quý khởi lòng tin trong sạch, nói lời tùy hỷ. Ở chỗ khác thực hành tất cả trái phạm tư trạch an nhĩn, dùng thân, ngữ, ý đã thực hành hoặc chưa thực hành tất cả gốc lành đều hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Thường phát khởi các thứ chánh nguyện, cúng dường Phật, Pháp, Tăng tất cả món ăn thượng diệu. Đối với các phẩm lành hằng ngày luôn mạnh mẽ tinh tấn tu tập. Thân, ngữ, ý không buông lung, đối với học xứ chánh niệm, chánh tri, chánh hạnh, thâm giữ gìn căn môn. Khi ăn uống đều biết lượng. Đầu hôm, gân sáng thường tu tập, thức dậy thì gân gũi bậc thiện sĩ, nương tựa bạn lành. Đối với lỗi phạm của mình, hỏi đạo lý biết rõ lỗi lầm, đã biết rõ lỗi lầm rồi thì chuyên ý giữ gìn chỗ chưa phạm, đã phạm rồi thì đối trước Phật, Bồ-tát đồng pháp dốc lòng phát lộ sám hối đúng như pháp, để dứt trừ. Những loại như thế đã có dẫn nhiếp hộ trì tăng trưởng các giới thiện pháp. Ấy gọi là giới nhiếp thiện pháp của Bồ-tát. Thế nào là giới nhiều ích hữu tình của Bồ-tát? Phải biết đây lược có mười một tướng, mười một tướng ấy là các Bồ-tát đối với các hữu tình có thể đưa đến nghĩa lợi. Đối với sự nghiệp của người khác cùng làm bạn để giúp đỡ, đối với các hữu tình, tùy theo chỗ sinh khởi khổ về bệnh tật v.v... thì đến thăm hỏi, ăn sóc, cho đến làm bạn giúp đỡ. Lại nữa, các Bồ-tát dựa vào các thứ nghĩa lợi của thế gian và xuất thế gian có thể nói pháp quan trọng cho các hữu tình nghe hiểu. Đầu tiên là phương tiện nói và nói đúng như lý, sau đó làm cho bảo vệ được nghĩa lợi của họ. Lại các Bồ-tát đối với các hữu tình có ân trước kia, đã khéo gìn giữ sự biết ơn, theo chỗ ở của họ mà ứng hiện để báo đáp. Lại các Bồ-tát đối với các loài hữu tình bị rơi vào những nơi đầy đầy sợ hãi như: Sư tử, cọp sói, ma, quỷ, nạn vua, nạn giặc, nước, lửa v.v... đều có khả năng cứu giúp khiến họ thoát khỏi những chỗ sợ hãi như thế. Các Bồ-tát đối với các loài hữu tình bị mất của cải, thân thuộc đã khéo khuyên nhủ làm cho họ vui đi nỗi buồn rầu. Lại đối với các loài hữu tình thiếu thốn các dụng cụ trong cuộc sống hằng ngày thì cho họ các dụng cụ trong cuộc sống hằng ngày. Các Bồ-tát thuận theo đạo lý, chính là cho y chỉ chế ngự chúng sinh đúng như pháp. Bồ-tát còn thuận

theo thế gian, sự việc, nói năng, kêu gọi, đến đi, bàn bạc, vui mừng tùy thời mà đến, từ chỗ khác mà nhận lấy việc ăn uống, v.v... Tóm lại, là xa lìa tất cả, có thể đưa đến vô nghĩa trái ý hiện hành, đối với việc khác tâm đều chuyển theo.

Lại nữa, các Bồ-tát hoặc ẩn hoặc hiện biểu hiện rõ ràng tất cả công đức chân thật, làm cho các hữu tình vui mừng tinh tiến tu học. Lại đối với người có lỗi, trong lòng rất thân mật để làm lợi ích an vui tăng thượng ý lạc, hoặc là điều phục, quở trách, trị phạt, đui đi, vì muốn giúp cho họ ra khỏi chỗ bất thiện, mà an lập chỗ yên ổn. Bồ-tát phương tiện dùng năng lực thần thông thị hiện các cõi, các tướng, như Na-lạc-ca.v.v... khiến cho các hữu tình nhàm chán, xa lìa bất thiện, tìm mọi cách dẫn dắt khiến họ vào Thánh giáo của Phật, vui mừng tin ưa, sinh tâm ít có siêng tu chánh hạnh. Nay xét trong bốn mươi tám giới khinh và chỗ thuyết văn của luận, ẩn hiện xen lẫn khai hợp khác nhau, thứ lớp trước sau cùng khác nhau, kinh chế giáo bản, tùy việc mà lập riêng. Luận phân biệt nghĩa điều theo loại mà nói chung, khai hợp, lập nghĩa cần phải suy xét.

1. Giới Kính Thầy Bạn

Nếu Phật tử, lúc sắp lên ngôi Quốc vương, ngôi vua chuyển luân, hay sắp nhận chức quan thì trước nên thọ giới Bồ-tát. Như thế tất cả quý thân cứu giúp thân vua và thân các quan, Chư Phật đều vui mừng.

Đã đắc giới rồi, Phật tử nên có tâm hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng toạ, Hòa-thượng, A-xà-lê, nhưng bậc Đại đức, đồng học, đồng kiến, đồng hạnh đến nhà, phải đứng dậy đón rước, lạy chào, hỏi thăm. Mỗi việc đều phải đúng như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân, cho đến quốc thành, con cái cùng bảy báu trăm vật để cung cấp các bậc ấy. Nếu Phật tử lại sinh tâm kiêu mạn, tức giận, ngu si không chịu tiếp rước lạy chào, thăm hỏi, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường thì Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Tức là nói đối với các bậc tôn trưởng phải siêng năng tu tập như thế, và phải thường chấp tay tiếp rước, hỏi thăm, lễ bái cung kính, tức là đối với các bậc tôn trưởng siêng năng tu tập kính ngưỡng phụng thờ. Thế muốn tạo việc thiện thì phải nương vào duyên tốt, nếu kiêu căng với người đáng tôn kính thì sẽ chướng ngại đến sự tiến tu pháp lành, cho nên dạy phải kính thờ.

Đủ duyên thành phạm, đúng theo lý lẽ ra phải nói đầy đủ, nhưng đã là chẳng phải tánh tội, chưa hẳn đều đủ năm duyên, nên duyên phạm

trong tội khinh cấu còn lược bỏ. Trong năm duyên, sự tưởng, dục lạc, phương tiện, rốt ráo tuy chẳng phải tánh tội nghiệp đạo nhưng chắc chắn phải có. Thứ tư là phiền não nếu nhiễm phạm cũng là hữu trong không phạm ô nhiễm thì chưa hẳn là có.

Kết phạm khinh trọng là cố tâm phạm nhiễm, đều kết trọng, không cố tâm không nhiễm đều kết khinh, các giới đều như vậy, không nói thêm nữa. Học xứ đồng khác là Đại thừa, Tiểu thừa đều cấm, nhưng Thanh văn chế trong môn lia lỗi. Bồ-tát chế trong môn nhiếp thiện, bầy chúng đồng phạm. Trong hai mươi tám giới khinh của chúng tại gia thì giới thứ năm dạy rằng: Nếu Ưu-Bà-tắc nào đã thọ giới rồi, khi thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các bậc trưởng lão tôn túc và Ưu-bà-tắc v.v... đến mà không đứng dậy, đón rước, lễ bái, thăm hỏi thì Ưu-bà-tắc ấy sẽ bị tội thất ý. Không đứng dậy thì rơi vào hành vi bất tịnh hữu tác. Trong văn, các giới đều có ba, nghĩa là nêu người tự sự kết tội. Trong tự sự, các giới khác nhau. Giới này có ba, một là khuyên thọ giới, hai là nói phải cung kính, ba là nói trái thành phạm. Phần đầu khuyên thọ giới, gồm nêu cả ba, ngôi vị, phần đầu và phần thứ hai chỉ cho thế tục, phần thứ ba chỉ chung cho xuất gia tại gia. Bồ-tát xuất gia cũng cho phép làm Tăng Thống, v.v.... Cho nên lập Tăng Thống v.v.... tuy kinh đã ngăn nhưng không được vì việc mình mà có, e rằng ở địa vị cao, hạnh buông lung cho nên chế thọ pháp, khiến cho không kiêu mạn. Nếu thọ và thuận theo mà làm thì Thần Phật đều vui mừng che chở, gần thì được an thân, xa thì sẽ nối tiếp làm hưng thịnh chánh pháp. Nên khuyên thọ giới, tuy trước thọ lâm sự nhưng phải càng thọ, vì muốn kính thờ. Đã được rồi thì phải cung kính. Tâm hiếu thuận là phục tùng lời dạy bảo của người kia không dám trái. Tâm cung kính là tôn kính đức hạnh của người không dám khinh mạn. Thượng tòa là ở trên không có người làm thượng tòa. Hòa-thượng, âm này là nhầm. Nếu đúng phải nói rằng O-Ba-Đà-Da. Hán dịch là Thân Giáo, tức là chỗ cho người theo thọ giới. A-xà-lê, nếu đúng phải gọi là A-già-lê-Da, hán dịch là Quý Phạm, có năm loại; một là cao tóc; hai là xuất gia; ba là giáo thọ; bốn là Yết-ma, năm là y chỉ. Đại đồng học, đồng kiến, đồng hạnh nghĩa là trong đồng học v.v... tuổi tác là trước tiên. Lại đồng học Đại pháp, đồng tập đại kiến, đồng tu đại hạnh. Trong trái ại thì thành phạm, lại sinh tâm kiêu mạn, sân hận, ngu si, vì không hiếu thuận, nên kiêu, không cung kính nên ngã mạn, không biết chỗ đáng cung kính tức là ngu si. Lấy tự bán mình trở xuống là dẫn việc để so sánh răn chắc, còn phải xả thân, hướng chi không lễ kính ư? Trong bốn mươi bốn giới, giới thứ ba chép rằng: Nếu các Bồ-tát an trụ

trong luật nghi tịnh giới của Bồ-tát thấy những bậc kỳ cựu Đại đức đồng pháp đáng kính đến nhà mà kiêu mạn có tâm hiềm hận, tâm giận nã, không đứng dậy đón rước, không mời ngồi. Nếu có người khác đến nói năng, bàn bạc, an ủi, thưa hỏi thì kiêu mạn, ôm lòng oán ghét, lòng sân nã không hợp với chánh lý, buông lời đối đáp, đó gọi là có phạm, có sự trái vượt là nhiễm trái phạm, không kiêu mạn chế, tâm không hiềm hận, không sân nã nhưng do tâm lưỡi biếng, uể oải, vọng niệm, vô ký, đó gọi là có phạm, có sự trái vượt, không ô nhiễm trái phạm. Không trái phạm nghĩa là gặp bệnh nặng, hoặc tâm cuồng loạn, hoặc tự ngũ nghĩ. Người khác nghĩ là giác ngộ mà đến gần gũi, nói năng, bàn luận, an ủi, thưa hỏi. Hoặc tự vì người khác giảng dạy, nói pháp, luận nghĩa chọn lựa. Hoặc lại bàn bạc, an ủi với người khác. Hoặc người khác nói pháp, luận nghĩa quyết trách chú ý lắng nghe. Hoặc có người trái phạm nói chánh pháp là muốn dùng tâm hộ pháp, hoặc muốn tìm cách điều phục người phạm lỗi ra khỏi chỗ bất thiện, an lập chỗ thiện. Hoặc hộ tăng chế, hoặc đem tâm bảo vệ nhiều hữu tình mà không đối đáp, đều không trái phạm.

2. Giới uống rượu

Nếu Phật tử cố uống rượu, mà rượu là thứ làm cho người uống sinh ra vô lượng tội lỗi. Nếu tự tay trao chén rượu cho người uống, sẽ chịu ác báo: Năm trăm đời không có tay, huống là tự uống. Cũng không được bảo người và tất cả chúng sinh uống rượu, huống là tự mình uống! Tất cả các thứ rượu Phật tử không được uống, nếu mình cố uống và bảo người uống, Phật tử này phạm “tội khinh cấu”.

Rượu là sự buông lung, làm sinh ra các tội lỗi, trái với các pháp lành cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa và bầy chúng đều cấm. Trong hai mươi tám giới thì giới thứ hai chép rằng: Nếu Ưu-Bà-tắc đã thọ giới rồi mà còn ưa thích uống rượu sẽ bị tội thất ý. Trong tự sự có ba, một là bày lỗi; hai là không được bảo người uống rượu, ba là nếu mình cố uống thì phạm. Trong phần đầu bày lỗi, cố uống rượu thì giống như lầm uống. Nhưng trong luật, rượu tưởng chẳng phải rượu cũng phạm. Nếu từ đầu đến cuối đều không có tâm uống rượu, thì tuy khi uống cho là chẳng phải rượu, cũng phạm, rượu là thứ làm cho người uống sinh ra vô lượng tội lỗi, tuy chẳng phải tánh ác mà có công năng khai tánh ác nên nói là vô lượng tội lỗi. Như trong luận chép rằng: Nếu khi say rượu thì ngoài việc phá tăng, tất cả việc ác khác đều gây tạo. Lại trong Luận Trí Độ nêu rõ có đủ ba mươi sáu lỗi. Trong luật Tứ phần có mười sáu lỗi. Đức

phật dạy: Nay A-nan! người uống rượu có mười lỗi, một là sắc mặt xấu xa, hai là sức yếu, ba là mắt thấy không rõ, bốn là hiện tướng tức giận, năm là làm hư hỏng sản nghiệp ruộng vườn của cải, sáu là thêm nhiều bệnh tật, bảy là thích tranh đấu kiện tụng, tám là không có tên gọi, chỉ có tiếng xấu vang xa, chín là trí tuệ lu mờ, mười là khi thân chất đủ rơi vào đường ác, đó gọi là mười lỗi. Từ nay về sau, ai tôn ta làm thầy thì không được rượu dính môi dù là một giọt. Đưa rượu cho người uống giống như đưa rượu qua cho người uống, nghĩa là đưa bình có rượu cho người khác bảo họ uống, cũng là chỉ đưa bình rượu không cho người kia rót. Trước nói sai người khác uống, sau nói bảo người khác uống, nghĩa đều không khác nhau. Năm trăm đời không có tay nghĩa là tay cầm bình rượu trao cho người nên bị quả báo không có tay như những loại côn trùng, hoặc sinh trong loài người mà không có tay, có thuyết chép rằng: có năm lần năm trăm năm, năm trăm năm thứ nhất ở địa ngục bã rượu, năm trăm năm thứ hai ở trong nước tiểu, năm trăm năm thứ ba làm giới bộ, năm trăm năm thứ tư làm ruồi nhặng, năm trăm năm thứ năm làm người ngu độn vô tri. Nay nói năm trăm đời không có tay có lẽ là cuối cùng, trong phần cấm không được thì. Không được bảo tất cả mọi người uống rượu nghĩa là không được bảo người khác uống rượu. Cho đến tất cả chúng sinh uống rượu nghĩa là không được sai đưa rượu cho người khác uống. Hướng chi tự mình uống rượu, là vì muốn ngăn lỗi buông lung của mình. Nêu người khác uống là tự mình: Luật chép rằng: Rượu là rượu cây, rượu gạo lùn và rượu gạo khác, rượu lúa mì. Nếu có cách làm rượu khác cũng là rượu. Tạp rượu là mầu rượu, mùi rượu, vị rượu không nên uống. Hoặc có rượu không mùi, không mầu không vị cũng không được uống. Hoặc có rượu không có mầu, không mùi, có vị rượu cũng không nên uống. Hoặc có rượu không mầu, không mùi, không có vị rượu không được uống, chẳng phải mầu rượu, mùi rượu, vị rượu thì được uống, nói rộng như trong ấy. Không phạm là nếu bị bệnh như thế, ngoài thuốc chữa trị không giảm thì dùng rượu làm thuốc, nếu dùng rượu trị bớt bệnh thì tất cả không phạm.

3. Giới Không ăn thịt

Nếu Phật tử cố ăn thịt, tất cả thịt các loài chúng sinh đều không được ăn. Nói về người ăn thịt thì mất tâm đại từ bi, cắt đứt hạt giống Phật tánh; tất cả chúng sinh thấy đều tránh xa người này. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi, vì thế tất cả Phật tử không được ăn tất cả các thứ thịt của các loài chúng sinh. Nếu cố ăn thịt, Phật tử này phạm “tội khinh

cấu” vì cắt đứt hạt giống đại từ cho nên cấm. Thanh văn Niết-bàn về trước cho phép căn ba loại thịt thanh tịnh, ngoài ra không cho phép. Niết-bàn về sau, tất cả không cho phép, Bồ-tát trước sau tất cả đều không cho phép. Bảy chúng đồng cấm. Trong văn tự sự cũng nêu lỗi trước, kể là cấm không được ăn, sau trái thành phạm. Tất cả các loại, thịt đều không được ăn, hoặc là tịnh hay bất tịnh đều không được ăn. Dứt mất tâm đại từ bi, làm hư hạt giống Phật tánh, như kinh chép rằng: vì có người ăn thịt nên có người giết, biết như vậy mà còn cố ăn nên dứt mất hạt giống từ bi. Tất cả chúng sinh thấy liền xa lánh người này, như chim núp vào thân ngài Xá-lợi Tử mà vẫn còn run sợ, chỉ có tập khí mà còn như thế huống là hoàn toàn không dứt trừ ba độc. Người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi, vì ăn thịt đưa đến sự giết hại nên mắc vô lượng tội lỗi.

4. Giới ăn năm thứ rau cay nồng:

Nếu Phật tử, chẳng được ăn năm loại “rau cay nồng” là hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ, năm loại này bỏ vào tất cả các thứ thực phẩm đều không được ăn. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm “tội khinh cấu”. Mùi hôi làm ngăn ngại tịnh pháp cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa đều cấm, bảy chúng đồng phạm, theo luật thì người nữ nên cẩn thận vì hiện ra sắc đẹp. Cách thông, thổ thông, lang thông: Trong đây không có kiêu và hẹ. Nhưng chia hành làm ba loại, ba loại này có tướng riêng khó biết. Hoặc nói rằng: cách thông là lá kiêu giống như lá hẹ nhưng dày hơn. Lang thông thì truyền thuyết nói ở lĩnh Nam mọc lên cây lan thông, lá giống như lá tỏi nhưng lớn hơn và có mùi hôi như tỏi. Hưng cừ là theo lời Bà-la-môn gọi cây cải dầu là Hưng cừ, các chùa ở Tây vực không cho phép ăn. Lại chép rằng: lĩnh Nam mọc lên cây Hưng cừ thân nó giống cây hẹ Nhật-bản, mùi vị giống như ổi, nếu bị bệnh thuốc khác không trị khỏi thì được phải khai. Người thực hành pháp đúng như luật, Bồ-tát cũng được khai. Đặc biệt có kinh Ngũ Tân một quyển, ngũ tân mỗi thứ đều có năm, tổng cộng là hai mươi lăm thứ. Lại nói rằng: vì ăn ngũ tân nên rơi vào A-tỳ ở phương Đông, trên dòng rửa ngũ tân, dưới dòng giặt áo cũng không đượ.v.v.. Trong ba giới nhiếp thiện này không có tướng riêng, dùng nghĩa để nhiếp trong thân, ngữ, ý, trụ không buông lung cũng chứa đựng trong đó.

5. Giới không dạy người sám hối tội lỗi:

Nếu Phật tử khi thấy người phạm năm giới, tám giới hay mười giới, phá giới hay phạm thất nghịch bát nạn, tất cả tội phạm giới... phải

khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối, lại cùng ở chung, đồng sống chung, cùng bố tát chung, cùng thuyết giới, mà không cử tội người ấy, không nhắc người ấy sám hối, Phật tử này phạm khinh cấu tội.

Thấy người phạm tội, mà không bảo sám hối thì trái với tướng nghĩa lợi ích. Thanh văn tự hộ còn có chỗ không cho phép hưởng là bậc Đại sĩ. Theo hiển giáo dường như là trong nghĩa lợi sinh. Đối với người có lỗi trong lòng rất thân mật lợi ích an lạc, tăng thượng ý lạc. Điều phục, quở trách, trị phạt, đuổi đi là vì muốn cho người phạm tội ra khỏi chỗ bất thiện, an trí chỗ thiện. Nhưng Bồ-tát giáo hóa chúng sinh tức là tự thành Phật pháp. Nên trong nhiếp thiện giới cũng chế giới này, thì đối với lỗi mình đã phạm quả nhiên biết được rõ ràng. Trong sự thấy rõ lỗi lầm cũng chứa trong đó, mình và người tuy có khác nhưng thấy lỗi sám hối, trừ giống nhau ra, Đại thừa và tiểu thừa đều chế, hai chúng xuất gia đều phạm ba chúng khác và tại gia theo lý cũng chung bát giới và ngũ giới là giới của chúng tại gia, thập giới là giới của sa Di, Huỷ cấm tức là giới của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Lại mười giới, nghĩa là mười trọng, Huỷ cấm là bốn mươi tám giới khinh, thất nghịch như thuyết dưới đây. Bát nạn, hoặc có nơi chép rằng bát trọng, lại nói rằng: Tam đồ bằng bát nạn, do phạm giới chiêu lấy bát nạn, nên trong nhân nói quả. Nay là trong mười ba nạn trừ hai hình, huỳnh môn, súc sinh, phi nhân và phá nhĩ đạo, ngoài ra gọi là bát nạn. Bốn loại như hai hình... hoàn toàn là nghĩa báo chướng không sám hối trừ diệt. Phá nhĩ đạo là vì ở đạo khác trở lại nhập vào Phật pháp nên không có nghĩa đồng ở đồng lợi dưỡng, vì thế loại thứ năm này không được vào trong số bảo sám hối. Trong bốn mươi bốn giới thì giới thứ bảy chép rằng: Nếu các Bồ-tát đối với các hữu tình phạm giới, bạo ác, có tâm hiểm hận, tức giận, do phạm giới bạo ác kia làm duyên, phương tiện xả bỏ không làm lợi ích ấy, gọi là có phạm, có sự trái vượt, là ô nhiễm trái phạm. Nếu do lưỡi biếng, uể oải mà xả bỏ, vì vọng niệm nên không làm lợi ích ấy, gọi là phạm, có sự trái vượt không ô nhiễm trái phạm. Vì sao? Vì chẳng phải các Bồ-tát đối với tịnh trì giới, nghiệp thân, ngữ ý vắng lặng hiện hành ở các chỗ hữu tình, khởi tâm thương xót muốn làm lợi ích, như đối với hữu tình phạm giới bạo ác, trong các nhân khổ mà hiện ra để xoay chuyển không trái phạm nghĩa là tâm cuồng loạn, hoặc muốn tìm cách điều phục người phạm tội, nói rộng như trước. Hoặc là dùng tâm che trở cho nhiều hữu tình, hoặc là hộ tăng đặt ra phương tiện, xả bỏ không làm lợi ích, đều không trái phạm.

6. Giới không cúng dường thỉnh pháp:

Nếu Phật tử, thấy có vị Pháp sư Đại thừa, hay những vị đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa, từ trăm dặm, ngàn dặm đến chỗ tăng phường, nhà cửa thành ấp, thì liền đứng dậy, rước vào, đưa đón lễ bái, mỗi ngày cúng dường ba thời, trăm thức uống ăn, giường ghế, thuốc men, tất cả đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng đều phải cung cấp cho Pháp sư. Mỗi ngày, sáng, trưa và chiều, thường thỉnh Pháp sư nói pháp và đánh lễ, không hề có lòng tức hận buồn rầu, thường thỉnh pháp không nhằm mỗi, chỉ trọng pháp chớ không màng đến thân mình. Nếu Phật tử không như thế thì phạm tội khinh cấu. Người có lỗi không thỉnh pháp mất lợi ích, ô nhiễm tinh thần cho nên chế. Thanh văn có người biết pháp bố-tát rộng lược, nên chế phải cung cấp. Trong năm tuổi và chưa hiểu năm pháp thì phải thưa hỏi, không thì phạm tội thứ bảy, ngoài ra thì không chế, vì tự độ dễ thoả mãn. Bồ-tát thấy có người biết thì thường phải cấp thỉnh, vì muốn tốt đẹp không nhằm chán, nên bày chúng đồng phạm. Trong văn tự sự có hai, một là cúng dường hai là thỉnh pháp. Cúng dường có hai, một là cúng dường, đi nhiều xung quanh, hai là cúng dường thức ăn uống. Mỗi ngày ba thời cúng dường là trong thời gian ba thời, hoặc là phi thời cũng được sữa v.v.... phi thời để cúng dường. Mỗi ngày ba thời cúng dường thức uống ăn giá đáng ba lượng vàng là nói theo khả năng làm được, hoặc vì khiến cho trọng pháp nên nói như vậy. Như đại sĩ núi Tuyết vì một bài kệ mà tự xả thân, v.v... huống chi là của cải ngoài thân. Mỗi ngày ba thời cung cấp hầu hạ cúng dường, nghĩa là cung cấp tất cả đồ cần dùng khác. Ba thời thỉnh pháp là sáng, trưa và chiều, không hề có tâm tức hận, buồn phiền là Pháp sư tuy có sự trái ý cũng không bao giờ sinh tâm sân hận. Bản thân tuy cúng dường hầu hạ cực nhọc cũng không hề có tâm buồn rầu, vì chỉ trọng pháp chớ không màng đến thân mình, để thỉnh Pháp sư giải thích lý do không sinh tâm sân hận, buồn phiền. Nếu bị tật bệnh chướng nạn, hoặc Pháp sư có vướng mắc, hoặc biết người kia kém cõi hơn mình, như vậy không thỉnh không phạm.

7. Giới không đi nghe pháp và thưa hỏi.

Nếu Phật tử, các tậ học Bồ-tát, hễ nơi nào chỗ nào có giảng kinh luật, thì phải mang kinh luật đến chỗ Pháp sư để nghe giảng và thưa hỏi. Hoặc nơi núi rừng, chùa, nhà... tất cả chỗ nói pháp đều phải đến nghe học. Nếu Phật tử không đến những nơi ấy để nghe pháp và thưa hỏi thì phạm tội khinh cấu: có chỗ giảng pháp mà không đi nghe sẽ mất

con đường tiến đến pháp lành cho nên chế. Học xứ giống và khác nhau cũng như trước. Trong hai mươi tám giới khinh thì giới thứ tám chép rằng: Nếu Ưu-bà-tắc trong bốn mươi dặm có chỗ giảng pháp mà không đến nghe thì phạm tội thất ý. Trong văn chép, giảng pháp Tỳ-ni, kinh luật, nghĩa là giải thích pháp gọi là kinh, giải thích Tỳ-ni gọi là luật, văn khác rất dễ hiểu. Trong bốn mươi bốn giới khinh thì giới thế ba mươi hai chép rằng: Nếu các Bồ-tát nghe nói chánh pháp bàn bạc quyết trạch, mà kiêu mạn ôm lòng hiềm hận, lòng tức giận buồn phiền mà không đến nghe, đó gọi là phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm. Nếu bị sự lười biếng, uể oải ngăn che mà không đến nghe là phi nhiệm ô trái phạm. Không trái phạm là hoặc không biết, hoặc bị bệnh tật, hoặc không có sức khỏe, hoặc biết người kia nói pháp điên đảo, hoặc vì hộ tâm người kia thuyết pháp. Hoặc biết chỗ người kia nghĩa của nói số ấy đã nghe, đã trì, đã học rộng nghe nhiều, đầy đủ nghe trì, sự nghe ấy đã chứa nhóm. Hoặc muốn không nghe để trụ tâm ở cảnh. Hoặc khuyên dẫn phát định cao siêu của Bồ-tát. Hoặc biết rõ người ngu độn phẩm thượng, đối với chỗ nghe pháp khó thọ khó trì, khó ở chỗ duyên nhiếp tâm khiến định, không đến nghe pháp thì đều không trái phạm.

8. Giới có tâm trái bỏ Đại thừa.

Nếu Phật tử, có tâm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trụ, cho rằng không phải Phật nói mà thọ trì kinh luật tà kiến và tất cả giới cấm của Thanh văn nhị thừa và ngoại đạo ác kiến. Phật tử này phạm tội khinh cấu: Bỏ gốc theo ngọn trái với thói quen cho nên chế. Thanh văn không chế, vì chỗ huân tập đều khác, bầy chúng cùng phạm. Trong văn nói, có quan niệm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trụ cho rằng chẳng phải Phật nói: theo bản cũ chép thì chỉ chế còn do dự chưa quyết, dưới đó là phương tiện tà kiến. Nếu quyết định nghĩa là Đại thừa kém cõi, Tiểu thừa cao siêu, chấp thành thì mất giới. Nếu trong lòng muốn trái bỏ, cho rằng chẳng phải là chân thuyết muốn thọ kinh luật của nhị thừa, ngoại đạo, chấp đều chưa thành thì phạm tội khinh cấu này. Nhưng tà kiến phẩm thượng phẩm trung, chấp đều chưa thành cũng phạm khinh cấu, đồng chế giới này. Nay nêu trái bỏ Đại thừa hướng về Tiểu thừa mà nói vì Bồ-tát phạm phụ phần nhiều gây ra việc này. Nếu nói rõ thì có hai loại. Hoặc là pháp tướng nói giới khéo tạ lỗi, hoặc phi pháp tướng nói phạm mười giới trọng. Nay cho rằng tâm trái bỏ Đại thừa thọ, trì kinh luật của hàng nhị thừa là nếu khởi pháp tướng thì chưa hẳn mất giới. Nghĩa là nếu có người tuy phát tâm Đại thừa thọ, giới Bồ-tát mà không

hề học kinh Đại thừa sâu xa, chỉ nghe Tiểu thừa nói tu hành ba kiếp sẽ được quả Bồ-đề. Bỗng nghe Đại thừa nói về nghĩa sâu xa thì trong lòng không khởi niềm tin, cho rằng không phải Phật nói, vì không lui sụt tâm Đại thừa nên không mất giới, vì sinh pháp tướng nên không phạm tội trọng. Nên trong giới thứ bốn mươi bốn của Bồ-tát Địa có giới thứ hai mươi chín chép rằng: Nếu các Bồ-tát tạt đối với pháp nghĩa chân thật, sâu xa, cao quý, thần lực khó nghĩ bàn của Chư Phật và Bồ-tát, không có tâm tin hiểu chống ganh ghét, trái ghé huỷ báng không thể dẫn nghĩa, không thể dẫn pháp, chẳng phải do Như lai nói, không thể làm lợi ích an vui cho các hữu tình, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm. Huỷ báng như thế hoặc trong lòng tác ý phi lý, hoặc thuận theo người mà nói như thế. Hoặc nghe chỗ sâu xa cao siêu thì trong lòng không tin hiểu. Bồ-tát lúc ấy phải tín thọ mạnh mẽ, không được dua nịnh, phải học như thế. Ta vì người bất thiện, người mù không có mắt tuệ, dùng mắt Phật tùy theo chỗ mà giảng nói. Đối với ngôn ngữ mật ý của các Như lai mà sinh tâm phỉ báng, từ chỗ không biết như thế của Bồ-tát mà kính ngưỡng Như lai. Đối với pháp của Chư Phật đều hiện biết, bằng với chỗ thấy biết, chánh hạnh như thế không hề trái phạm, tuy không tin hiểu nhưng không phỉ báng. Trong văn chép ác kiến của hàng Thanh văn Nhị thừa và ngoại đạo, Duyên giác Thanh văn gọi là Thanh văn Nhị thừa, tức là Thanh văn này chính là ngoại Đại thừa, trái với đạo Bồ-tát nên nói là đạo ác kiến ngoại. Lại sáu vị giáo chủ ngoại đạo, v.v.... gọi là ngoại đạo ác kiến. Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát vượt qua pháp Bồ-tát, nghiên cứu tìm tòi ngoại luận khác và các luận của ngoại đạo thân tâm khéo léo quý trọng ham vui mê đắm, không bằng quen gần vị thuốc cay, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm (giới thứ hai mươi tám) khai duyên đến giới thứ hai mươi bốn sẽ biểu hiện rõ ràng. Ba giới trên đây thì luận đã nói trong giới nhiếp thiện, đối với sự nghe, suy nghĩ, siêng năng tu học.

9. Giới không săn sóc bệnh

Nếu Phật tử, thấy tất cả người bệnh phải hết lòng cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám ruộng phước, săn sóc bệnh là ruộng phước thứ nhất. Nếu cha mẹ, sư tăng và đệ tử bị bệnh tật, trăm thứ bệnh đau khổ, đều phải chăm sóc cho được lành mạnh. Phật tử lại vì tâm hờn giận không chăm nuôi, cho đến thấy trong Tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng đồng nội, đường sá có người bị bệnh mà không lo cứu giúp thì Phật tử này phạm tội khinh cấu, vì thấy khổ không cứu, trái giới hạnh tu từ bị

cho nên chế. Thanh văn đối với. Thấy bạn đồng pháp và được tăng sai, ngoài ra không chế, vì vốn không gồm vật. Bạc Đại sĩ phải cứu giúp tất cả khổ, vì vốn mong nhiếp tất cả. Bảy chúng đồng chế. Ngay trong luận đã nói, đối với người bệnh phải thương xót, ân trọng chăm sóc, cúng dường cho nên chế, văn nói cúng dường tất cả người tật bệnh như cúng dường Phật không khác. Đức Phật là người đáng kính, bệnh là chỗ đáng thương, kính thương tuy khác nhưng nghĩa phước điền lại giống nhau cho nên không khác. Trong tám rộng phước khám bệnh là phước, săn sóc bệnh là ruộng bậc nhất, vì nghĩa sùng kính là sau, tâm bi cứu giúp là trước, nên ruộng phước tuy có tám nhưng săn sóc bệnh là trên hết.

Nếu cha mẹ, sư tăng bị bệnh đều nên chăm sóc cho được lành mạnh: ở trên tuy nêu chung nhưng tất cả người bệnh đều phải cứu giúp từ thân đến sơ đều phải lần lượt giúp đỡ họ, nên chỉ nêu riêng bà con bạn thân. Giới thứ hai trong mười một việc lợi sinh của Địa luận chép rằng: Nếu các Bồ-tát thấy hữu tình nào bị bệnh nặng mà có tâm hiềm hận, giận tức không đến cúng dường giúp đỡ, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm. Nếu bị lưỡi biếng uể oải ngăn che mà không đến cúng dường kính thờ thì chẳng phải là ô nhiễm trái phạm. Không trái phạm là, hoặc mình bị bệnh, hoặc không có sức khỏe, hoặc chuyển mời người khác có sức khỏe thuận theo, khiến họ đến cúng dường, giúp đỡ. Hoặc biết người bệnh có chỗ nương tựa, hoặc biết người bệnh có khả năng lực có thể tự cung cấp giúp đỡ. Hoặc biết rõ người kia bệnh lâu, chỗ tiếp xúc có thể tự giúp đỡ. Hoặc siêng tu phẩm lành cao quý rộng lớn vô thượng. Hoặc muốn giữ gìn chỗ tu phẩm lành cho không để đứt quãng thiếu sót. Hoặc tự biết rõ ngu độn phẩm thượng, tuệ độn của họ đối với chỗ nghe pháp khó thọ khó trì, khó dùng duyên nhiếp tâm cho được. Hoặc trước hứa là sẽ cúng dường, như đối với người bệnh, đối với người có nỗi khổ làm bạn để giúp đỡ, muốn dứt khổ cho họ, nên biết cũng như vậy.

10. Giới không được chứa khí cụ sát sinh.

Nếu là Phật tử thì không được cất chứa những binh khí, như dao gậy, cung tên, dáo, búa, v.v.... cùng những đồ sát sinh như chài lưới, rập, bẫy v.v.... là Phật tử, dầu cho cha mẹ bị người giết còn không được báo thù, huống là giết tất cả chúng sinh! Không được cất chứa những khí cụ sát sinh! Nếu cố cất chứa, Phật tử này phạm tội khinh cấu: Thấy suy nghĩ đủ việc không thể quen dần, vì phòng ngừa cho nên chế. Tức là đối với các học xứ giữ gìn chánh hạnh, đều lia việc ác, thành nhiếp

thiện. Đại thừa và Tiểu thừa đều chế, đạo tục cùng cấm, hẳn là hàng quý nhân, vua chúa con vua chúa.... muốn phòng nạn ngoại xâm, chuẩn bị cung tên v.v.... theo lý nên khai cho, nhưng không được làm tổn hại. Lại tuy chẳng phải quý nhân, nếu muốn hộ pháp mà chuẩn bị đầy đủ vũ khí phòng ngừa nhưng không có tâm tổn hại cũng nên khai cho. Trong kinh Niết bàn chép: Người tại gia vì muốn hộ pháp nên cho phép cầm vũ khí, nhưng không được giết hại, văn giải thích dễ hiểu. Mười giới như thế, cần nên học và kính trọng vâng giữ (Trong sáu phẩm sau có giảng rộng).

Như thế trở xuống, tổng kết khuyên thọ trì, sáu phẩm sau là chỉ nói rộng giới bản. Hoặc kinh chép rằng: phẩm thứ ba mươi sáu, lẽ ra phải phân biệt có ba mươi sáu phẩm. Trong giới thứ hai mươi, bốn giới đầu thuộc về tự hành thiện, sáu giới sau thuộc về hòa tha thiện, trong bốn giới đầu.

1. Giới Di Sứ

Phật dạy: là Phật tử, chẳng được vì quyền lợi và tâm ác mà làm thông tin sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận, đem binh đánh nhau, làm cho vô lượng chúng sinh bị giết hại. Là Phật tử trong quân trận còn không được vào và qua lại, huống chi cố làm môi giới chiến tranh. Nếu cố làm, Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Hễ là người thông tin sứ mạng cho hai nước hiệp hội quân trận đem binh đánh nhau thì chắc chắn tâm muốn thắng thua, dối gạt chuẩn bị làm cho chiến đấu, bên trong thì trái với lòng từ bi bình đẳng, ngoài thì tổn hại sinh mạng của muôn vật. Cho nên chế để dứt trừ. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế, bảy chúng đồng cấm. Trong luận nhiếp Thiện chép: đối với thân, ngữ, ý trụ không buông lung cũng có chứa giới này, vì quyền lợi và tâm ác tức là ý buông lung. Nói đi thông tin sứ mạng là ngữ buông lung. Qua lại trong quân trận là thân phóng dật. Văn chép rằng vì quyền lợi và tâm ác, tâm mưu toan làm lợi cho mình, vì lợi mà ý mong tổn hại người khác nên có tâm có. Nếu vì kia, đây mà giao hòa, tại gia lẽ ra không cấm. Thông quốc sứ mệnh là làm sứ mạng cho hai nước đánh nhau. Hiệp hội quân trận là hai nước dấy binh đánh nhau, làm cho vô lượng chúng sinh bị giết hại, là do ta đi thông sứ đưa đến việc quan trọng này. Hưng sư là hưng khởi quân binh, nếu ý muốn đi thông sứ để giết hại thì tùy theo người chết mà, riêng kết tội trọng. Nay chỉ cấm thông sứ mạng nên kết tội khinh cấu. Không được qua lại quân trận là nơi ồn ào tạp loạn, chẳng phải là nơi mà người tu đạo bước chân

đến, chắc chắn không có việc hệ trọng, đạo tục đều cấm. Nếu Bồ-tát tại gia là hàng võ quan danh tiếng, chấn động uy dũng, hào hùng thì không tránh được, vì an ổn quốc gia nên cho phép đi vào nhưng không được giết hại. Như khi dòng họ Thích-ca và vua lưu ly đánh nhau. Nếu Bồ-tát xuất gia có nhân duyên, kêu gọi theo luật thì cho phép hai ba đêm.

2. Giới buôn bán phi pháp.

Nếu Phật tử cố bán người lành, tội trai tố gái, lục súc, buôn bán quan tài, ván cây đồ đựng thầy chết, còn không được tự mình buôn bán các thứ ấy, huống chi là bảo người. Nếu cố tự buôn bán, hay bảo người buôn bán các thứ ấy, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Tổn cảnh mong lợi, vì xâm nã chỗ ở nên Phật chế để dứt trừ. Bấy chúng không cùng chế. Nếu tổn cảnh buôn bán như sinh khẩu v.v.... thì đạo tục đều cấm. Nếu cầu lợi mà buôn bán trao đổi lẫn nhau v.v.... thì chế đạo mà khai cho tục. Nên kinh Ưu-Bà-tắc chép rằng: Người tại gia có cửa cải nên chia thành bốn phần, một phần cúng dường cha mẹ vợ con, hai phần buôn bán đúng pháp, phần còn lại cất giữ. Nay giới này cũng cấm thân, ngữ buông lung, văn chép rằng: cố buôn bán người lành là biết người không thuộc về mình mà gượng lừa dối buôn bán. Buôn bán tội tố lục súc, tuy là vật thuộc về của mình, dễ có phần xâm tổn nên bị tội. Buôn bán quan tài, ván cây đồ đựng thầy chết, nghĩa là quan tài cũng là ván cây, hoặc ván cây là hòm bọc ngoài áo quan bằng cây, còn không được cố buôn bán huống chi bảo người buôn bán. Trong đây nêu tự mình không được, buôn bán, huống chi bảo người khác. Giới không được uống rượu ở trước cấm tự mình buông lung nên nêu người khác để so sánh với mình, giới buôn bán này chế không làm tổn người, nên nêu tự so sánh với người, mình người số sánh nhau, ý là ở đây.

3. Giới Huỷ Báng người lương thiện:

Nếu Phật tử, vì tâm ác, đối với người tốt người lành, Pháp sư, sư tăng, hoặc vua chúa và hàng quý nhân, vốn vô sự mà huỷ báng là phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng, với cha mẹ anh em sáu thân phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, mà trở lại vu khống cho là phạm tội nghịch, đọa vào đường ác, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Vô sự mà huỷ báng, mà hãm hại người lành nên Phật đặt ra để dứt trừ. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế. Bấy chúng đồng cấm. Giới này chế về ngữ buông lung. Hỏi: Giới này đã chế huỷ báng người khác là phạm tội trọng, việc ấy cùng tội trọng trong giới thứ sáu có gì khác nhau?

Đáp: Người xưa muốn phân biệt hai giới tướng nên có nguồn gốc hay không đều chia thành bốn câu. Bốn câu có y cứ, một là đối với người có giới nói về tội trọng, tội khinh của họ, đều phạm khinh cấu. Giới này chánh chế, hai là đối với người không có giới, nói về tội trọng tội khinh của họ cũng phạm khinh cấu, giới trước phụ chế, ba là nói với người có giới, về tội trọng tội khinh của người không có giới cũng phạm khinh cấu, giới này gồm chế, bốn là nói với người không có giới về lỗi của người có giới. Nếu nói về tội trọng thì phạm trọng, giới trước là chánh chế. Nếu nói lỗi nhẹ thì phạm tội khinh cấu, giới trước gồm chế.

Bốn câu không căn cứ, câu thứ nhất là nói tội trọng tội khinh của người có giới cho người có giới nghe, lại phạm khinh cấu, giới này còn ở trong văn, chánh chế nói về tội trọng, gồm chế nói về tội khinh. Ba câu sau tác pháp giống như giới trước, nhưng không có căn cứ là khác. Lại có người nói, trong giới trọng thứ sáu chế nói về lỗi thật, kia cho rằng nói tội lỗi của bốn chúng, nay trong giới này ngăn sự phỉ báng không căn cứ, văn chép rằng vì phỉ báng người lành khác. Hai giới trước sau vẫn không phân biệt người nói với họ, có giới hay không giới hoàn toàn không lựa chọn riêng, theo lý phải đều thông.

Hỏi: Trong pháp của Thanh văn, không căn cứ mà phỉ báng phạm tội trọng, nói lỗi có thật thì phạm khinh, vì sao Bồ-tát thì ngược lại?

Đáp: Trong pháp của Thanh văn ngăn ngừa lỗi của mình, không căn cứ phỉ báng lỗi người khác là phạm trọng, có căn cứ nói lỗi phạm tội khinh, nên chế khinh trọng có khác nhau.

Trong pháp của Bồ-tát ngăn ngừa việc tổn hại người khác, nói lỗi có thật của người khác phạm để gây ra sự tổn hại mãi mãi, lui mất tâm Bồ-đề của người, không thật mà huỷ báng, việc đã không có thật thì không tổn hại vĩnh viễn, nên chế có nặng nhẹ, nghĩa ấy ở đây. Trong văn chép tâm ác, vô sự mà huỷ báng là chỉ muốn huỷ báng người khác không lợi ích cho tâm nên nói là ác tâm, ba căn không đầu mối nên nói là vô sự. Người tốt người lành không có phạm lỗi mà bị phỉ báng nên nói là tốt lành. Tưởng tịnh nên gọi là Tốt, thật tịnh nên gọi là Lành, không phải như giới trước nói chẳng phải tội tứ gọi là Tốt. Pháp sư, sư Tăng, vua chúa, Quý nhân là nêu riêng cảnh trọng trong chỗ huỷ báng. Nói phạm bảy tội nghịch, mười tội trọng là chỉ nêu tội trọng trong sự huỷ báng, cha mẹ, anh, em, sáu thân là ba đời lưu thông nhau chằm thể không có sự thân thiết. Mà lại vu khống cho là phạm tội nghịch là không có phạm tội trọng mà huỷ báng, nên nói là vu khống phạm tội nghịch. Đọa vào chỗ không như ý: là do ta huỷ báng nên đọa vào chỗ

trái ý (đọa vào đường ác).

4. Giới đốt lửa:

Nếu Phật tử, vì tâm ác nên châm lửa đốt núi rừng, đồng nội. Từ tháng tư đến tháng chín đốt lửa, hoặc cháy lan đến nhà cửa, thành ấp, tăng phường, ruộng cây của người và cung điện tài vật của quý thân. Tất cả chỗ có sinh vật không được cố thiêu đốt. Nếu cố thiêu đốt, thì Phật tử này phạm tội khinh cấu, không chọn thời gian, nơi chốn mà vội đốt lửa thật ra làm thương tổn rất nhiều, nên Phật cấm để dứt trừ. Đại thừa Tiểu thừa đều chế. Trong bảy chúng thì năm chúng xuất gia, đúng thời tất cả đều dứt trừ, y cứ vào chỗ chế hiển bày thì cho phép che đây. Hai chúng tại gia y cứ vào thời thì cấm nóng cho lạnh, vì có sản nghiệp. Y cứ vào chỗ lộ bày, che phải đều cho phép, nhưng không được thương tổn đến loài cỏ bò lan dưới đất. Nghĩa ấy suy ra giới này, muốn đề phòng hai tội trọng, một là để phòng lỗi sát sinh, hai là phòng kẻ ăn trộm làm tổn hại. Y theo điều nói trong văn, theo lý phải như vậy. Giới này chỉ cấm thân buông lung. Trong văn chép, vì tâm ác cho nên đốt lửa là không mưu tính tổn hại sinh mạng của người, liền đốt lửa làm cho cháy lan đến cỏ cây, nên nói là tâm ác. Thiêu đốt núi rừng đồng nội từ tháng tư đến tháng chín là chỉ vì tổn hại đến chúng sinh nên chế lúc trời nóng nực. Nếu đốt nhà cửa trở xuống của người, chỉ vì tổn vật nên trong mọi lúc đều chế. Nếu do đốt lửa mà hại mạng tổn vật, thì đặc biệt kết tội sát sinh và trộm cướp. Nay chỉ cấm đốt lửa nên kết tội khinh cấu.

Tất cả vật có chủ đều không được cố ý thiêu đốt, sơ cũ đổi thành có sinh vật là sai, vì không hiểu khoa văn, vẫn làm trở ngại, v.v... Nếu nói vật có chủ thì làm sao phân biệt tháng tư đến tháng chín. Đây như khoa trên chỉ tổn hại sinh mạng nên chế tháng tư đến tháng chín. Nếu tổn vật thì không giới hạn thời gian trong tháng, đâu được lạm dụng ngay đó sửa đổi văn kinh.

5. Giới dạy giáo lý ngoài Đại thừa

Nếu Phật tử, từ đệ tử Phật, sáu thân tất cả thiện tri thức, cho đến ngoại đạo ác nhân, đều phải khuyên bảo thọ trì kinh luật Đại thừa. Nên giảng cho họ hiểu nghĩa lý, khiến phát tâm Bồ-đề, Thập Phát thú tâm, Thập Trưởng dưỡng tâm, Thập Kim cương tâm. Trong ba mươi tâm ấy giảng cho họ hiểu pháp dụng thứ lớp của mỗi món. Mà Phật tử lại có tâm ác, tâm sân, đem kinh luật của Thịnh văn Nhị thừa và các bộ luận của ngoại đạo tà kiến để dạy ngang cho người. Phật tử này phạm tội

khinh cấu.

Từ sáu giới sau là thuộc về thiện lợi tha. Trong Luận Nhiếp Thiện chép! Đối với các học xứ chánh niệm, chánh tri, chánh hạnh, chánh phòng thủ. Trong sáu giới, hai giới đầu phân tích về chánh tri, chánh phòng thủ của học xứ người khác. Bốn giới sau phân tích về chánh hạnh phòng thủ của học xứ mình, suy nghĩ sẽ thông suốt. Đối với chánh tri phòng thủ của học xứ người khác, ban đầu không dạy giáo lý ngoài Đại thừa, nếu dạy thì sẽ khiến cho họ mất chánh đạo cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa cùng phạm, vì sở học khác nhau, bầy chúng đồng chế, trong văn chép, từ đệ tử Phật cho đến tất cả thiện tri thức, là nêu những vị truyền dạy cho người. Điều phải khuyên bảo thọ trì kinh luật Đại thừa: là dạy họ thọ trì văn cú năng thuyết. Nên giảng cho họ hiểu nghĩa lý là dạy cho họ hiểu biết chỗ giải thích nghĩa lý. Khiến phát tâm Bồ-đề là đã biết văn nghĩa, nên khiến họ phát tâm, cầu hiểu để thực hành, nguồn gốc của thực hành là phát tâm Bồ-đề, nên được hiểu, kể đó phải dạy người phát tâm. Trong đây, đầu tiên là nên phân tích sơ lược phương pháp phát tâm.

Kinh Phát Bồ-đề tâm chép: vì sao Bồ-tát phát tâm Bồ-đề? Dùng nhân duyên vào tu tập Bồ-đề? Nếu Bồ-tát gần gũi bậc thiện tri thức, cúng dường chư Phật, tu tập gốc lành, chí cầu thắng pháp, tâm thường nhu hòa, gặp khổ nhẫn được, từ bi thuận hậu, thân tâm bình đẳng, tin ưa Đại thừa, cầu trí tuệ Phật. Nếu người nào có đủ mười pháp như thế, mới có thể phát được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có bốn duyên phát tâm tu tập Vô thượng Bồ-đề, Bốn duyên ấy gồm: một là tư duy Chư Phật mà phát tâm Bồ-đề, hai là quán thân bệnh hoạn phát tâm Bồ-đề, ba là thương xót chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề, bốn là cầu quả tối thắng mà phát tâm Bồ-đề. Tư duy Chư Phật phát tâm Bồ-đề là tư duy Chư Phật mười phương ba đời mới phát tâm có đủ tánh phiền não cũng như ta ngày nay, cuối cùng thành Chánh giác là bậc Vô thượng. Do duyên này nên phát tâm Bồ-đề. Lại còn suy nghĩ Chư Phật ba đời phát tâm mạnh mẽ, mỗi người đều có khả năng chung đắc Vô thượng Bồ-đề. Nếu Bồ-đề này là pháp có thể đắc thì ta cũng phải được, do việc này nên phát tâm Bồ-đề. Lại tư duy Chư Phật ba đời phát trí tuệ rất sáng, ở trong vô minh xây dựng tâm cao quý chứa nhóm khổ hạnh, đều có khả năng tự vượt ra ba cõi, ta cũng như vậy, phải tự mình vượt qua. Do việc này nên phát tâm Bồ-đề. Suy nghĩ tất cả Chư Phật làm người mạnh mẽ trong loài người đều vượt qua biển lớn sinh tử phiền não. Ta cũng là bậc Trưởng phu cũng phải có khả năng vượt qua. Do việc này

nên phát tâm Bồ-đề. Lại suy nghĩ tất cả Chư Phật phát tâm tinh tấn ma-nh mẽ, xả bỏ thân mạng của cải để cầu Nhất thiết trí, nay ta cũng học theo Chư Phật. Do việc này nên phát tâm Bồ-đề. ba nhân duyên khác nói rộng như kia, để biết tướng sơ lược, lại trình bày một vấn. Còn các nghĩa rộng khác các giáo đã nói đầy đủ. Nếu muốn phát tâm phải nương theo đó mà tìm. Phát mười tâm, theo kinh Bản Nghiệp chép: Từ phàm phu địa không biết gì, đến giáo pháp của Phật và Bồ-tát, khởi một niềm tin liền phát tâm Bồ-đề, người ấy lúc bấy giờ trụ ở trước gọi là Bồ-tát tin tưởng, cũng gọi là Bồ-tát giả danh, cũng gọi là Bồ-tát danh tự, lược hành mười tâm, nghĩa là tín tâm, tiến tâm, niệm tâm, tuệ tâm, định tâm, giới tâm, hồi hướng tâm, hộ pháp tâm, xả tâm, nguyện tâm. Mười tâm này là hạnh tu quan trọng của Bồ-tát phát tâm, nên phải dạy phát khởi. Tâm Kim cương là chỗ phát mười tâm bền chắc khó hư hoại. Giảng cho họ hiểu pháp dụng thứ lớp của mỗi món, đã phát tâm rồi, dạy cho người khác hiểu nghĩa lý khiến phát tâm Bồ-đề tu hành pháp dụng theo thứ lớp trước sau, mà Phật tử làm trái lại cho nên phạm, nói pháp lộn lạo trái với căn cơ nên nói là thành giáo.

6. Giới nói pháp không lộn lạo.

Nếu Phật tử, phải hết lòng tu học kinh luật oai nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý, khi thấy có Bồ-tát tân học từ xa trăm dặm, ngàn dặm đến, cầu học kinh luật Đại thừa thì nên đứng như pháp giảng giải tất cả khổ hạnh, hoặc đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay. Nếu không đốt thân hay cánh tay, ngón tay cúng dường Chư Phật thì không phải là Bồ-tát xuất gia. Cho đến lác thịt của thân mình và tay chân mà bố thí cho tất cả những loài cạp, sói, sư tử đói cùng tất cả loài quỷ đói, rồi sau mới thứ lớp tùy theo căn cơ của mỗi người mà giảng nói chánh pháp cho các vị tân học ấy được mở mang tâm ý. Nếu Phật tử vì quyền lợi, đáng dạy mà không dạy, lại giảng kinh luật một cách điên đảo, văn tự lộn xộn, không có thứ lớp trước sau, nói pháp có tính cách huỷ báng Tam bảo. Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Nói pháp điên đảo trái với đạo dạy bảo cho nên cấm, chế giới trước không điên đảo. Chế giới này ẩn Đại thừa, dạy Tiểu thừa, tuy nói Đại thừa nhưng ẩn mất nghĩa lý, giảng kinh luật một cách điên đảo không có thứ lớp trước sau. Pháp Thanh văn nếu dạy bảo người khác, vì lợi mà ẩn mất, làm cho nghĩa lý không rõ ràng cũng phạm tội. Bấy chúng đồng chế. Trong văn chép: Phải hết lòng học kinh luật oai nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý, là không dạy người điên đảo, phải tự

chánh học trước. Như kinh này và kinh Thiện Giới Quyết Định Tỳ-ni Bồ-tát Địa Trì v.v.... tức là kinh luật oai nghi Đại thừa. Sau đó, thấy có Bồ-tát tân học từ xa đến cầu học thì phải giải thích đúng, không giảng pháp điên đảo cho họ nghe. Trong đó có hai, đầu tiên là giảng về việc khổ hạnh để thử tâm họ, sau đó giảng chánh pháp để khai mở cho họ hiểu. Vì muốn biết chí lớn của họ nên nói về việc khổ hạnh. “Vì thử tâm họ, là muốn phát khởi đại hạnh của họ cho nên nói chánh pháp để mở mang tâm ý. Nói việc khổ hạnh, trong đó dùng hai việc khổ hạnh để thử, một là đốt thân cúng dường Chư Phật, hai là lóc thịt để cứu nạn đói. Trong nói pháp cũng có hai, một là nói pháp theo thứ lớp, hai là giúp cho họ mở mang tâm ý. Nói pháp theo thứ lớp là phần thô cạn dễ ngộ thì nói trước, phần sâu kín khó hiểu thì giảng sau. Lại giảng thứ lớp trong ba học hạnh mà Bồ-tát làm trái lại thì thành phạm. Đáng dạy mà không dạy là không nói hết nghĩa lý sâu xa. Giảng kinh luật một cách điên đảo là trái với chánh thuyết. Văn tự lộn xộn không có thứ lớp trước sau là phần trước để ở sau, phần sau để ở trước v.v.... nói pháp có tính cách huỷ báng Tam bảo, tùy theo điều đã nghe mà chấp nghĩa thành năm lỗi. Như kinh Niết bàn chép: Nếu nói chúng sinh chắc chắn có Phật tánh, hay chắc chắn không có Phật tánh đều là phỉ báng Phật, Pháp, Tăng. Đây là nói chung phỉ báng nên không phạm tội trọng. Giới thứ sáu trong Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát có người đến cầu pháp lại có tâm hiềm hận lòng sân nã, ganh ghét không bố thí pháp cho họ, đó gọi là có phạm, có sự trái vượt, là ô nhiễm trái phạm. Nếu do lười biếng, uể oải tâm vọng niệm không nhớ nên không bố thí pháp cho họ cũng gọi là phạm, có sự trái vượt, nhưng không ô nhiễm trái phạm. Không trái phạm là các ngoại đạo dò xét tìm tòi khuyết điểm, hoặc là bị bệnh nặng, hoặc tâm cuồng loạn, hoặc muốn phương tiện điều phục người phạm lỗi ra khỏi chỗ bất thiện, an lập chỗ thiện. Hoặc đối với pháp ấy chưa thông suốt. Hoặc là thấy mà không sinh tâm cung kính, không có hổ thẹn, đến nghe thọ với dáng vẻ quậy phá, hoặc biết người kia căn tánh ám độn, đối với pháp sâu rộng dạy đặc pháp rốt ráo thì rất sinh tâm sợ hãi nên khởi tà kiến, thêm lớn tà chấp, suy hao tổn não. Hoặc là biết pháp kia đến tay họ thì truyền khắp cho phi nhân, mà không bố thí giúp cho đều không phạm.

7. Giới cày thế lực quyền tời:

Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà gần gũi vua chúa, Hoàng tử cùng các quan, ý quyền cày thế bức

người để lấy tiền của, lại bảo người khác cùng cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Từ bốn giới sau, đối với chỗ tự học, chánh hạnh phòng thủ. Giới đầu ngăn nường quyền cậy thế để quyền tởi. Giới thứ hai, ngăn không hiểu dối làm thầy. Giới thứ ba ngăn lỗi ganh ghét người lành. Giới thứ tư ngăn lỗi thấy khổ không cứu. Đầu tiên là cậy thế lực quyền tởi, suy tổn hạnh ít muốn, dễ dàng đưa đến lỗi buồn phiền cho người khác cho nên chế. Đại thừa Tiểu thừa đều chế, bảy chúng đồng cấm. Trong văn chép: nường quyền cậy thế là rõ ràng mượn lệnh của người có quyền thế gọi là hình, thâm nường năng lực của họ gọi là Thế. Bức người để lấy tiền của là ban đầu xin không cho thì đánh đập để ra oai, lôi kéo để cướp đoạt lấy ngang tiền của là đoạt lấy phi lý. Nếu lấy được vật riêng thì phạm đạo tổn.

Nay ý quyền cậy thế mà quyền tởi thì phạm biên tội kết, tội khinh cấu. Tất cả chỗ cầu lợi gọi là ác cầu, đa cầu, vì cầu của phi lý nên gọi là ác cầu, cầu không chán gọi là đa cầu. Bảo người khác cầu là chẳng phải chỉ có việc làm của mình, cũng xúi giục người khác đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, vì tổn nảo người khác nên không có lòng từ bi, trái lời Phật dạy nên không hiếu thuận.

8. Giới không được dối làm thầy truyền giới.

Nếu Phật tử, phải học mười hai phần kinh, thường tụng giới mỗi ngày sáu thời nghiêm giữ giới Bồ-tát hiểu rõ, tính nghĩa lý Phật tính của giới. Nếu Phật tử không hiểu một kệ một câu và nhân duyên của giới luật, mà dối rằng thông hiểu đó chính là dối gạt mình và cũng là dối gạt người khác, không hiểu một pháp, chẳng biết một luật mà lại làm thầy truyền giới cho người. Phật tử này phạm tội khinh cấu. Không có đức làm thầy mà dối làm để truyền giới cho người là có lỗi gây sự hiểu lầm cho người nên chế, nhị thừa đồng chế, xuất gia tại gia đều cấm. Kinh cho phép vợ chồng làm thầy truyền giới cho nhau nên biết chế chung cho chúng tại gia. Trong văn chép: Mỗi ngày mười sáu thường tụng giới, nghiêm trì giới Bồ-tát, cho đến hiểu rõ tính nghĩa lý, Phật tính của giới, là người biết làm thầy phải cầu tự hiểu trước ngày đêm đều đủ sáu thời, e rằng người mới học bỏ quên lời dạy, đối với việc làm có thiếu sót nên cấm.

Mỗi ngày sáu thời nghiêm trì giới Bồ-tát là thọ trì văn của giới. Hiểu rõ nghĩa lý là hiểu rõ nghĩa khai giá, khinh trọng của giới. Tính

của Phật tính là hiểu tính ấy sẽ hiện nhân quả Phật tính. Trong chỗ hiểu biết quan trọng cho nên nêu lên. Mà Bồ-tát v.v..... trở xuống trái lại thành phạm, nói là trái với tự tâm nên gọi là tự lừa dối mình, khiến cho người khác hiểu lầm nên cũng lừa dối người khác. Mỗi đều không hiểu là một câu một kệ trong pháp môn đều không hiểu. Không biết tất cả pháp là đối với tất cả pháp đều không biết. Nếu không hiểu biết mà đối làm thầy truyền giới cho người thì phải tùy theo người thọ giới nhiều hay ít mà kết tội.

9. Giới không được làm cho đôi bên đấu tranh.

Nếu Phật tử, vì tâm ác, thấy thầy Tỳ-kheo giữ giới tay bưng lư hương, tu hạnh Bồ-tát mà tự đi đâm thọc hai đầu, làm cho sinh sự bất hòa khinh khi người hiền, gây ra nhiều tội ác. Phật tử này phạm tội khinh cấu, vì ganh ghét khéo đâm thọc trái với hạnh hòa giáo nên chế để dứt trừ. Hàng Nhị thừa đều chế, bả chúng đồng cấm. Trong văn chép, vì tâm ác là làm trái với sự hòa hợp, tổn hạnh thanh tịnh nên gọi là tâm ác. Thấy thầy Tỳ-kheo trì giới, cho đến tu hạnh Bồ-tát là nêu người đâm thọc. Đâm thọc hai đầu là đến bên đây nói lỗi bên kia, đến bên kia nói lỗi bên đây nên gọi là đâm thọc. Hoặc kinh chép chữ Cấu nghĩa là đâm thọc để cho hai bên có thành kiến với nhau. Hoặc kinh chép là chữ “Quá” nghĩa cũng giống như vậy, tùy theo chữ mà thuận theo giải thích nghĩa, đều không ngăn ngại, không được thường hay thay đổi, khinh khi người hiền tạo nhiều tội ác: là do đâm thọc nên dẫn đến việc khinh khi người hiền, gây ra nhiều tội ác có khác gì với giới thứ mười ba? Vì vận tâm có khác, kia nói tâm chìm mất, đây nói tâm chia rẽ, nay là khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác. Đây nói lên lầm lỗi nhiều lần, chẳng phải là chỗ chánh chế của giới này, chỉ đâm thọc hai đầu chính là chỗ ngăn ngừa của giới này. Như trong giới đốt lửa, giết trộm, nêu lên văn phạm, chẳng phải là chỗ phòng ngừa chính. Nếu vì lòng tốt mà nói lời chia rẽ cũng không phạm. Bồ-tát Địa chép: Lại như Bồ-tát thấy các hữu tình bị bạn ác nhiếp thọ, yêu nếu không bỏ. Bồ-tát thấy rồi khởi tâm thương xót, phát sinh lợi ích an lạc ý vui, tùy theo năng lực của mình mà nói lời chia rẽ, khiến cho họ lìa bạn ác, bỏ thân yêu nhau, chớ làm cho hữu tình vì gần gũi bạn ác mà phải chịu đê mê dài vô nghĩa vô lợi. Bồ-tát dùng tâm nhiều ích như thế nói lời chia rẽ khiến xa lìa ái kia thì chẳng những không phạm mà còn sinh nhiều công đức.

10. Giới không phóng sinh cứu giúp báo ân:

Nếu Phật tử vì tâm từ bi mà làm việc phóng sinh, phải nghĩ như vậy: Tất cả người nam là cha tà mạng, tất cả người nữ là mẹ tà mạng, từ nhiều đời ta đều gá sinh nơi đó, vì lẽ ấy nên chúng sinh trong sáu đường đều là cha mẹ ta, nếu giết chúng để ăn thịt, thì chính là giết cha mẹ ta, mà cũng là giết thân cũ của ta. Tất cả chất bốn đại đều là bản thân, bản thể của ta, cho nên phải thường làm việc phóng sinh và khuyên bảo người làm. Nếu thấy người đời sát sinh nên tìm cách cứu giúp cho chúng được thoát khỏi cái chết! Thường giảng dạy giới Bồ-tát để cứu độ chúng sinh. Nếu vào ngày cha mẹ hay anh em qua đời, nên thỉnh Pháp sư giảng kinh luật Bồ-tát giới. Người chết nhờ phước đức ấy, hoặc được vãng sinh tịnh độ, ra mắt Chư Phật, hay gá sinh lên cõi trời, cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, phật tử này phạm tội khinh cấu: Dè dặt chớ nên sát sinh, để cứu nạn chết phải ăn chay thỉnh Pháp sư giảng kinh luật Bồ-tát giới để cho vong linh được nhờ phước được, ấy là hạnh từ bi làm việc lành để báo ân, nên chế khiến làm. Đại thừa, Tiểu thừa cùng chế. Tất cả hàng Đại sĩ phải cứu độ, vì từ bi bình đẳng cùng khắp. Thanh văn chính là ở trong quyến thuộc, ngoài ra không chế, vì tự độ bảy chúng đồng phạm. Trong văn chép có hai, một là phóng sinh để cứu nạn chết, hai là ăn chay thỉnh giảng kinh luật giới Bồ-tát để vong linh hưởng phước. Trong phần đầu lại có hai, đầu tiên là dùng lòng từ để làm việc phóng sinh, sau cùng tìm cách cứu hộ để cứu chúng sinh thoát khỏi nạn khổ. Trong phần đầu vì lòng từ làm việc phóng sinh là thấy khổ ách sắp chết thì rất sinh lòng từ tìm cách cứu vớt làm cho được sống. Tất cả người nam là cha tà mạng v.v.... là nói nguyên do, tu lòng từ bi trong việc cứu sinh. Trong đây có hai: một là đối với tất cả chúng sinh khởi quán bình đẳng thân thuộc, hai là đối với tất cả vật khởi quán là một thể. Trong phần đầu người nam, người nữ là cha mẹ tà mạng, là theo tướng tạm phối hợp, y cứ vào thật thì nam nữ cách đời đều là cha mẹ. Chúng sinh sáu đường đều là bà con, nên khi thấy họ bị khổ ách chẳng thể không cứu. Nếu giết chúng sinh để ăn thịt tức là giết cha mẹ, nghĩa là nêu bà con của mình, đều ngăn không cho giết ăn thịt, cũng là giết thân cũ của ta v.v.... là nói quán nhất thể trong đó nương thế trước là đừng giết hại để ăn thịt, sau đó nói về quán nhất thể. Tất cả chất bốn đại đều là bản thân bản thể của tà mạng, nghĩa là thân chúng sinh do bốn đại hòa hợp mà thành thể. Lúc sống nhóm hợp là thân, khi chết chia lìa là vật, tuy tụ tán theo duyên nhưng tánh ấy không khác, quán rộng ra đều là thể của ta. Nên bậc Thánh lấy chúng sinh làm thân cứu mình, lấy muôn vật làm thể của mình, lý tự không đúng, đầu thể như

vậy, cho nên thường làm việc phóng sinh để cứu giúp. Từ nhiều đời ta đều gá sinh nơi đó là nói tìm cách cứu hộ cho chúng thoát khỏi nạn khổ. Đời đời thọ sinh: Tuy lại sinh, lại tử nhưng bi quán càng sâu. Nếu thấy người đời sát sinh v.v....trở xuống là nói về tìm cách cứu giúp, sinh mạng bị giết sẽ bị khổ hiện tại, người giết sẽ bị khổ ở tương lai. Nên đối với năng giết, sở giết phải rộng sinh lòng từ bi cứu độ, phải tìm cách cứu hộ cho họ được thoát khỏi nạn khổ là cứu sinh mạng bị giết thoát khỏi khổ hiện tại, thường giáo hóa giảng nói giới Bồ-tát cứu độ chúng sinh là cứu người giết, ngăn khổ ở tương lai cho họ. Nếu cha mẹ hay anh em chết, thỉnh Pháp sư giảng kinh luật giới Bồ-tát thì người chết nhờ phước đức ấy được vãng sinh, pháp lực khó nghĩ bàn, thậm ban cho không lương uổng: Nên người chết thần linh tùy ở đường nào? Trừ hai điều kia chắc chắn được nhờ lợi ích. Hỏi: Nói nhau đã khác, vì sao tu nhân phước này lại được quả an vui kia, vì mình làm người chịu trái với luật nhân quả? Đáp: Theo đạo lý nhân quả thật không có việc mình làm mà người khác chịu. Nhưng tương duyên giữa mình và người thì chẳng thể không giúp đỡ lẫn nhau. Nên ngài Mục-liên tạo phước thì vong linh mẹ Ngài được thoát khổ nạn quỷ. Na-xá tu điều lành, thần thức của cha Ngài được tránh khỏi nạn khổ dữ dội, ấy là nghĩa cảm ứng nhau, lý thường chắc chắn như vậy.

Mười giới như thế cần nên học tập và hết lòng kính trọng vâng giữ, như trong phẩm diệt tội có giảng rõ mỗi giới. Mười giới như thế trở xuống là tổng kết, khuyên thọ trì chỉ cho các văn rộng khác, từ đây trở xuống giới thứ ba mươi nói thuộc về thiện hòa kính. Hòa kính có sáu, nghĩa là ba nghiệp đồng và giới kiến lợi đồng. Trong mười giới, ba giới đầu nói ba nghiệp đồng, giới là nói kiến đồng, bốn giới tiếp theo là nói lợi đồng, ba giới sau cùng nói giới đồng. Tức là luận đã nói trong giới nhiếp thiện đối với các bậc tôn trưởng siêng tu kính thờ, trong ba giới đầu thì trước là ngăn sân hận không chịu đựng, kế là ngăn kiêu ngạo không thưa hỏi. Tiếp theo là ngăn ngã mạn không dạy dỗ, mỗi trường hợp đều ngăn chung về ba nghiệp bất hòa. Hoặc có thể như thứ lớp ngăn thân miệng ý.

Giới thứ nhất: Nhẫn chịu trái phạm.

Nếu Phật tử, không được đem giận trả giận, đem đánh trả đánh. Nếu cha mẹ, anh em, hay sáu thân bị người giết cũng chẳng được báo thù, hoặc quốc chủ bị người giết chết cũng chẳng được báo thù. Giết sinh mạng để báo thù sinh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo.

Chứa nuôi tôi tớ còn không được, vì đánh đập mắng nhiếc chúng mỗi ngày ba nghiệp gây ra vô lượng tội, nhất là khẩu nghiệp. Huống là cố gây ra bảy tội nghịch. Nếu Bồ-tát xuất gia không có lòng từ bi cố báo thù, cho đến cố báo thù cho sáu thân. Phật tử này phạm tội khinh cấu. Đã tin đạo lý khắp thân một thể mà tức giận đánh đập nhau để báo thù thì chẳng phải hiếu thuận, cũng mất lòng từ bi nhẫn nhục, cho nên Phật chế để dứt trừ. Tức trong luận chép: Đối với sự trái phạm của người khác suy nghĩ chịu đựng. Nhị thừa đều chế, bảy chúng đồng cấm. Trong văn chép. Nếu giết cha mẹ anh em, sáu thân còn không được cố báo thù, ngoại đạo nói một đời oán thân chắc chắn là khác, nên nói: mối thù cha mẹ không ở chung trong trời đất, mối thù anh em không cùng ở chung một nước. Từ mối thù anh em, không phải là đứng đầu, bên trong dung chứa oán thân nhất quán trong ba đời, đâu cho phép vì một người bà con kia mà giết một bà con này. Nên dù anh em bị giết cũng không được cố báo thù. Lại thân người đã chết rồi thì không thể sống lại, nếu giết người kia, đối với ta có lợi ích gì? Nên kinh Trường Thọ Vương chép: lấy oán báo oán, oán ấy không bao giờ mất, lấy đức báo oán, oán ấy mới tiêu tan. Nếu Quốc chủ bị người khác giết chết cũng chẳng được báo thù: nghĩa là quốc chủ vì người khác cố giết giết cha mẹ mình cũng không được báo thù đối với quốc chủ, vì Quốc chủ cũng là bà con của mình. Lại nếu Quốc chủ của mình bị nước địch giết cũng không được đến nước ấy báo thù, vì kẻ địch ở nước kia cũng là cha mẹ của ta. Thái Tử Trường sinh gác kiếm cũng là việc ấy, giết sinh mạng để báo thù sinh mạng, đó là việc không thuận với hiếu đạo, nghĩa là oán lại là thân, cũng có ân sinh ra ta, giết sinh mạng kia để báo ân sinh thành ra ta là không phải đạo hiếu thuận, khi giết đặc biệt kết tội trọng. Nay đối với báo oán kết tội khinh cấu, còn không được nuôi tôi tớ, v.v... tất cả kết tội khinh cấu. Huống chi cố gây ra bảy tội nghịch, biết tất cả là cha mẹ ta mà làm việc giết hại để báo thù nên gọi là nghịch. Nếu Bồ-tát xuất gia không có tâm từ bi, cố báo thù, v.v... làm việc trái nghịch nên thành phạm, chỉ nêu người xuất gia vì rất trái nghịch nên lý chung cho tại gia. Cho đến cố báo thù cho sáu thân là cha mẹ chú bác, anh em là sáu thân, mối thù của sáu thân còn không được báo huống chi người khác. Giới thứ mười sáu trong Bồ-tát Địa chép: Nếu các Bồ-tát đem mắng trả mắng, đem sân trả sân, đem đánh trả đánh, đem nghịch trả nghịch, ấy gọi là có phạm, có sự trái vượt là ô nhiễm trái phạm. Giới này không khai duyên, chế ý rất dễ thấy.

2. Giới tâm nhún nhường thọ pháp.

Nếu Phật tử mới xuất gia chưa thông hiểu kinh luật, mà tự ý mình là trí thức thông minh, hoặc ý mình là cao quý lớn tuổi, hoặc ý mình là dòng họ tôn quý, con nhà giàu sang, hoặc ý mình học rộng phước to, giàu có, v.v... rồi sinh lòng kiêu mạn mà không chịu học hỏi kinh luật với các vị Pháp sư học đạo trước mình. Vị Pháp sư ấy hoặc dòng hèn, con nhà thấp hèn, tuổi trẻ nghèo nàn, hèn hạ, hay có tật nguyên, nhưng lại thật có đức hạnh, thông hiểu nhiều kinh luật. Các Bồ-tát tâm học không được nhìn vào dòng giống của vị Pháp sư mà không chịu đến học hỏi đạo lý Đệ nhất nghĩa để với vị ấy, Phật tử này phạm tội khinh cấu, vì thấy hình dáng mà không đến thưa hỏi đạo lý sẽ mất lợi ích thọ lãnh giáo pháp cho nên cấm. Đại thừa, Tiểu thừa đều chế, bầy chúng đều ngăn ngừa. Trong văn chép: Phật tử mới xuất gia, chưa thông hiểu kinh luật nghĩa là ngày gần vào đạo, chưa thông hiểu kinh luật trong Phật pháp. Tự ý mình là trí thức thông minh: nghĩa là ý mình là hiểu biết thông minh đối với việc đời. Hoặc ý mình là cao quý lớn tuổi, nghĩa là giàu sang quyền thế cao quý, tuổi tác lớn hơn người. Hoặc ý mình là dòng sang con nhà nổi tiếng: là sinh vào dòng họ tôn quý, gia môn sang trọng hơn người. Đại giải đại phước là tài đức dồi dào, rồi sinh tâm kiêu mạn: là dựa vào năm việc trên mà sinh tâm kiêu mạn. Vị Pháp sư ấy hoặc thuộc dòng hèn hạ, con dòng thấp hèn tuổi trẻ nghèo nàn, hèn hạ bị tật nguyên... luật chế người tàn tật làm, phải tuyên dương Pháp chủ, trong đây chính là thưa thỉnh người tuổi nhỏ, nên theo học hỏi, hoặc có thể Bồ-tát chỉ quý đạo của vị Pháp sư ấy chớ không vì hình tướng của Pháp sư, nên tuy nghèo nàn, hèn hạ cũng thỉnh nói pháp, như trời Đế-thích theo Dã can để thọ pháp v.v.... mà Bồ-tát tâm học không chịu đến học đạo lý Đại thừa với vị Pháp sư ấy là trái, cho nên phạm.

3. Giới có tâm tốt dạy trao:

Nếu Phật tử, sau khi Phật nhập diệt, lúc có tâm tốt muốn thọ giới Bồ-tát, trời đối trước tượng Phật và tượng Bồ-tát mà tự nguyện thọ giới, phải sám hối trong bảy ngày, hễ thấy được tướng tốt thì thọ đắc giới, nếu chưa thấy được tướng tốt thì phải sám hối mười bốn ngày, hăm một ngày, hay đến cả năm, cầu thấy được tướng tốt, khi thấy được tướng tốt rồi thì được đối trước tượng Phật, Bồ-tát mà thọ giới. Nếu chưa thấy tướng tốt thì dầu có đối trước tượng Phật thọ giới, vẫn không gọi là đắc giới. Nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ giới Bồ-tát mà thọ giới, thì không cần thấy tướng tốt. Vì sao? Vì vị Pháp sư ấy là các sư truyền giới

cho nhau nên không cần thấy tướng tốt. Hễ đối trước vị Pháp sư ấy mà thọ giới liền đắc giới, vì hết lòng kính trọng nên đắc giới, nếu ở trong vòng ngàn dặm mà tìm không được vị Pháp sư truyền giới, thì Phật tử được phép đối trước tượng Phật và Bồ-tát mà tự nguyện thọ giới Bồ-tát, nhưng phải thấy tướng tốt.

Nếu các vị Pháp sư ỷ mình thông kinh luật và giới pháp Đại thừa mà kết giao với các nhà quyền quý như vua chúa, Thái Tử, bá quan, khi có Bồ-tát tân học đến cầu học nghĩa kinh luật, lại giận ghét hay khinh ngạo, không chịu tận tâm chỉ dạy, vị này phạm tội khinh cấu.

Gặp người có pháp khí mà không chịu chỉ dạy là trái với đạo chỉ dạy nên răn Đại thừa, Tiểu thừa; xuất gia tại gia đồng chế. Trong văn chép có hai, một là nói rõ duyên đắc giới của Bồ-tát tân học, hai là nói Pháp sư không chịu chỉ dạy. Trong duyên đắc giới có ba, một là nói tự nguyện thọ giới, hai là nói theo người khác thọ giới, ba là kết lại hai cách thọ. Trong pháp Thanh văn thì năm chúng xuất gia phải theo người mà thọ, hai chúng tại gia chung tự thọ và người khác thọ. Như trong giới thứ năm mươi ba của luận Du-già nói rộng về tướng ấy. Trong pháp của Bồ-tát, kinh này không phân biệt bảy chúng thọ. Nếu cho phép xem xét kỹ, bảy chúng thọ giới đều chung cho hai cách thọ. Như quyển thượng kia đã rộng phân biệt. Nếu Pháp sư v.v.... ác thuyết thì thành phạm, khác với giới thứ mười sáu ở trước là giới kia cấm vì lợi mà nói pháp điên đảo, giới này cấm khinh ngạo, ác thuyết, khai duyên đồng với giới kia.

4. Giới không được chuyên về dị học.

Nếu Phật tử, có kinh luật pháp Đại thừa, chánh kiến, chánh tánh, chính pháp thân của Phật mà không chịu siêng năng tu học, lại bỏ bảy của báu, học những sách luận tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục, đó là làm hư hạt giống Phật, là nhân duyên chướng đạo, chẳng phải thật hành đạo Bồ-tát. Nếu cố làm như vậy, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Bỏ gốc theo ngọn làm trở ngại đại đạo cho Phật chế. Đại thừa, Tiểu thừa không cùng chế vì sở học khác nhau, bảy chúng đồng chế. Đây chính là hợp kiến đồng trong sáu pháp hòa. Trong văn chép: có kinh luật của Phật nghĩa là hiện có giới pháp của Phật, nếu không có Phật pháp thì cũng cho phép theo thọ pháp bên ngoài vì bấy giờ Phật pháp ở thế gian đều diệt mất. Pháp Đại thừa là giáo pháp Đại thừa, chánh kiến là trong hành pháp Đại thừa thì tuệ là chính. Chánh tín là lý Đại thừa. Chánh pháp thân là quả pháp Đại thừa, nhưng không thể bỏ gốc theo ngọn. Bỏ bảy báu là Đại thừa đáng xem trọng đồng với bảy báu mà bỏ không tu

tập. Hoặc kinh bản chép không bỏ bảy báu nghĩa là không bỏ bảy báu thế gian, muốn học pháp bảo phải bỏ của báu thế gian, vì không bỏ nên không thể học tập, lại học các sách luận tà kiến của Nhị thừa, ngoại đạo, thế tục là nêu chung pháp học, khác vì trái Đại thừa nên đều gọi là tà kiến, các sách luận thế tục ấy là pháp của ngoại đạo. Sách ghi A-tỳ-đàm Tạp luận là pháp của hàng Nhị Thừa, Luận sư đời sau đặt ra luận ký, hoặc văn nghĩa cạn cợt, hoặc dị kiến rắc rối, không thuận với đạo lý sâu xa của Đại thừa, vì thế không cho phép chuyên tâm tu học. Nếu đã được nghiên cứu Đại thừa, vì phá dị kiến để trang nghiêm Đại thừa tạm thời tập học, theo lý thì không cấm. Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát chưa nghiên cứu tinh thông tạng Bồ-tát mà xả bỏ tạng Bồ-tát, một bề tu học Tạng Thanh văn, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt, chẳng nhiệm ô trái phạm (là giới hai mươi sáu). Nếu các Bồ-tát, hiện đời có giáo pháp của Phật mà không nghiên cứu thông suốt, lại siêng tu học các luận của đạo khác và luận của ngoại đạo, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt là nhiệm ô trái phạm. Không phạm là hoặc thông minh nhạy bén, hoặc có khả năng tiếp thu mau lẹ, hoặc trải qua thời gian lâu mà không quên mất, hoặc đối với nghĩa ấy có thể suy nghĩ, có thể thông hiểu, hoặc đối với giáo pháp Phật quán sát đúng lý, thành tựu câu hạnh, vô động giác ngộ. Mỗi ngày thường tu học hai phần Phật ngữ, học một phần pháp ngoài thì không phạm (là giới hai mươi bảy). Lại giới hai mươi lăm của Bồ-tát Địa chép. Nếu các Bồ-tát khởi thấy như vậy, lập luận như vậy. Bồ-tát không nên nghe giáo pháp tương ứng với Thanh văn thừa, không được thọ trì, không được tu học. Bồ-tát đâu cần giáo pháp tương ứng với Thanh văn thừa, cho phép nghe thọ trì siêng năng tu học, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt, là nhiệm ô trái phạm, vì sao? Vì Bồ-tát đối với việc nghiên cứu sách luận của ngoại đạo còn siêng năng, hướng chi đối với lời dạy của Phật. Không phạm là vì khiến cho một bề tu pháp Tiểu thừa xả bỏ dục kia mà nói như vậy, e rằng người một bề không huỷ báng Tiểu thừa phạm giới Bồ-tát, nên nhờ đó dẫn ra.

5. Giới khéo phân chia vật của đại chúng.

Nếu Phật tử sau khi Phật nhập diệt, làm Pháp sư, giảng sư, luật sư, Thiền sư, Thủ toạ, Tri Sự, Tri khách, phải có lòng từ bi khéo hòa giải trong chúng, khéo giữ gìn tài vật của Tam bảo, chớ dùng vô độ như của riêng mình, mà lại khuấy chúng gây gỗ, kình chống, lung lộng xài của Tam bảo. Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Bốn giới sau đây là chế đồng lợi, khéo hòa giải trong chúng không

có tâm buồn rầu hối hận, khéo giữ gìn tài vật của Tam bảo, để không để cho phí tổn. Nếu được như vậy thì chánh pháp không dứt mất, nên chế để thực hành. Đại thừa, Tiểu thừa đồng chế, bảy chúng đồng học, vì hai chúng tại gia có nghĩa là chế ngự chúng. Trong văn chép: sau Phật diệt độ là nói lên thời gian. Thuyết pháp chủ: nghĩa là người giảng nói, hoặc có thể đàn việt giảng thuyết là thuyết pháp chủ. Hạnh pháp chủ là chủ thi hành giáo pháp. Tăng phòng chủ là chủ chùa. Ma-ma-Đế giáo hóa chủ nghĩa là chủ giáo hóa xuất gia, tại gia. Toạ thiền chủ là chủ tu tập thiền định. Hành lai chủ là như chủ thí một bữa ăn cung cấp cho người qua lại. Trong sáu việc trên đều là chế ngự nên đều gọi là Chủ. Như sáu chủ trên phải thực hành hai việc, một là khởi tâm từ bi, khéo hòa giải trong chúng, hai là khéo giữ gìn tài vật của Tam bảo, thọ dụng đúng pháp không được trộm lấy dùng vô độ như của riêng mình. Đối pháp thọ dụng hoặc như kinh Bảo Lương và các luật luận, nên y theo mà làm, ở đây không kể đủ, mà Bồ-tát lại khuấy chúng gây gỗ kinh chống, v.v... vì trái nên kết phạm, lung lộng xài vật của Tam bảo, được vật thuộc về mình, phi xử dùng lẫn lộn, đều kết tội trọng. Trong đây chỉ kết lỗi không khéo giữ tài vật của Tam bảo.

6. Giới chủ khách đồng được lợi:

Nếu Phật tử, trước ở trong Tăng phường, sau thấy có Bồ-tát Tỳ-kheo khách đến, hoặc ở thành ấp, nhà cửa của tăng hay của vua cho đến chỗ kiết hạ an cư và trong đại hội v.v... chư tăng ở trước phải rước đến đưa đi, cung cấp cho vật uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà, phòng, giường ghế, v.v... Nếu tự mình không có thì phải bán thân, bán con cái, lóc thịt thân mình mà bán, để sắm đồ cung cấp cho những khách vị tăng ấy. Nếu có thí chủ đến thỉnh chúng tăng thọ trai, khách Tăng có dự phần, vị Tri sự phải theo thứ lớp phái khách tăng đi thọ trai. Nếu chư tăng ở trước đi thọ trai riêng mà không phái khách tăng đi thì vị Tri sự mắc vô lượng tội, không đáng là sa-môn, không phải dòng Thích Tử, nào khác gì loài súc sinh. Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Dự vào pháp lợi Thích lữ lẽ ra nên đồng. Nếu pháp giống, lợi khác thì giống như việc xấu xa của thế tục. Thanh văn còn không cho phép hưởng là bậc Đại sĩ, nên chế đồng nhau Đại Tiểu thừa đều chế, đạo tục không chế chung. Đã nói lợi dưỡng của tăng không gồm chúng thế tục. Trong văn chép có hai: một là theo vật của tăng thì phải chia đều cho chủ và khách tăng, hai là lợi của thí chủ phải chia đều cho chủ tăng và khách tăng. Trong phần đầu trước là nói trụ xứ trong tăng, phần sau từ

nhà cửa trở xuống nói chỗ của thí chủ. Nếu tự mình không có tài vật thì phải bán thân và con cái, lóc thịt thân mình mà bán, y cứ theo tướng của văn này lẽ ra phải gồm cả chúng thế tục. Tuy không dự vào lợi dưỡng của tăng nhưng chăm nom cung cấp cho khách, lý chung cho cả Bồ-tát tại gia. Nếu có thí chủ thì thí chủ chia cho khách chủ đồng lợi. Sai việc tăng lược có sáu loại, một là người năng sai phải thành tựu năm pháp, nghĩa là không thương, không giận, không sợ, không si, biết nên sai hay không nên sai. Lại trì giới thanh tịnh không dính mắc hành pháp, sau đó phải chuyên chủ, hai là người sở sai, nghĩa là năm chúng xuất gia, không phá giới, không có giới, cho đến người vì giải thoát mà xuất gia mới được thọ giới. Nếu người mang hành pháp tăng tàn và bạch bốn lần Yết-ma thì phải nương người bản hạ lần lược học giới, ở dưới tăng, trên sa-di, sa-di ba quy y, năm giới có thuyết nói cũng được thọ thứ lớp tăng. Văn kinh Niết Bàn, hai bản Tiểu thừa và Đại thừa lại khác nhau, nên không thể làm chứng, ba là sai chỗ hội hợp, hai chỗ Tăng và tục tự nhiên tác pháp đều được sai theo thứ lớp. Thuyết cũ chép rằng: xưa này có thể nương theo, bốn là sai theo thứ lớp, pháp chỉ có một, thứ lớp từ Thượng tọa đến Hạ tọa, xoay vần trở lại từ đầu không phân biệt Đại Tăng và sa-di, đều phải theo thứ lớp sai họ. Hoặc nói Thượng tọa được gọi là Tăng thứ, hoặc nói kinh đạo Tăng thứ, giảng độ Tăng thứ, v.v... chính là thỉnh đích xác tên khác, không khai cho tăng thứ mười phương. Như pháp lợi dị kiến không chung của năm bộ. Lại có thể trụ xứ của Tiểu thừa khác Đại thừa vì không tin Đại thừa là pháp Phật. Nếu trụ xứ của Đại thừa không thể riêng với Tiểu thừa vì Đại thừa tin năm bộ đều là Phật pháp. Bởi vì nghe trụ xứ của Đại thừa ở nước Tây vực thông hành với nghĩa của mười tám bộ, năm là số đến sớm muộn, sáu là thọ thỉnh xả thỉnh, số cũ nói đầy đủ, ở đây không phiên dẫn ra, vị Tri sự mắc vô lượng tội, vì đoạt lấy của người khác nên được lợi, tuy vật không thuộc về mình mà vẫn bị tội trộm. Nếu người thọ thỉnh biết mà cố thọ, lẽ ra phải cùng phạm, súc sinh khác v.v ... là quả trách người kia phạm tội trọng, chỉ tham lợi dưỡng hiện tại mà không thấy lỗi về sau, nên nói nào có khác gì súc sinh, đã làm việc phi pháp làm sao gọi là dứt ác? vì trái lời Phật dạy nên chẳng phải dòng họ Thích.

7. Giới thọ thỉnh riêng:

Nếu Phật tử, tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình, của cúng dường này thuộc về tăng mười phương, nếu nhận riêng tức là lấy của tăng mười phương đem về phần mình, và tài vật

của tám ruộng phước: Chư Phật, bậc Thánh, sư Tăng, cha, mẹ, và người bệnh, tự mình nhận dùng riêng. Phật tử này phạm tội khinh cấu. Trái với ruộng phước của thí chủ, mất lợi dưỡng của chúng tăng v.v... nên chế không cho thọ. Thanh văn đều cho phép nhị thỉnh, Bồ-tát một bề ngăn riêng. Trong bảy chúng nên chế năm chúng xuất gia. Trong văn chép: Tất cả chẳng được nhận của cúng dường dành riêng về mình, là trong pháp Thanh văn người thọ pháp đầu-đà thì không thọ thỉnh riêng, người không thọ đầu-đà thì cho phép thọ. Trong pháp Bồ-tát không xét là đầu-đà hay chẳng phải đầu-đà, bất cứ lúc nào cũng ngăn, tất cả không được thọ thỉnh riêng, của cúng dường này thuộc về tăng mười phương nghĩa là Bồ-tát không thọ thỉnh riêng, đây đã được lợi lẽ ra thuộc về mười phương, nhưng vì Bồ-tát thọ thỉnh riêng thì có nghĩa xa vì tổn tài vật riêng của tăng mười phương đem về mình, nên nói rằng, nếu nhận riêng thì đó là lấy của tăng mười phương đem về mình, của vật trong tám ruộng phước tự mình nhận dùng riêng là chẳng những lấy vật của mười phương đem về mình, mà cũng tổn vật trong tám ruộng phước, Bồ-tát tự thọ hoặc không thọ thỉnh riêng, đối với tám ruộng phước đều có phần, nhưng vì thọ lợi dưỡng riêng giúp đỡ cho mình. Tám ruộng phước là, một là Phật, hai là bậc Thánh, ba là Hòa-thượng, bốn là A-xà-lê, năm là Tăng, sáu là cha, bảy là mẹ, tám là người bệnh, Hòa-Thượng A-xà-lê trong kinh bản gọi là hai thầy, hoặc gọi là từng thầy một, nghĩa đều không khác. Hỏi: Bồ-tát Địa chép rằng: Nếu các Bồ-tát, có người đến mời, hoặc đến nhà, hoặc đến chùa, dâng cúng đầy đủ các thứ như thức ăn uống, y phục, v.v... mà kiêu mạn có tâm hiểm hận, sân não không đến chỗ ấy thọ thỉnh, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt là nhiễm ô trái phạm. Nếu vì lười biếng, uể oải quên không nhớ, không đến chỗ ấy thọ thỉnh, ấy gọi là phạm, có sự trái vượt không nhiễm ô trái phạm, văn này là y cứ thỉnh riêng nên ngăn không cho thọ, hay là y cứ theo thứ lớp tăng mà ngăn không cho thọ? Đáp: có chỗ nói rằng: luận văn kia ngăn không cho thọ thứ lớp Tăng, thỉnh riêng thì thường không cho phép, nếu không thọ cũng không phạm, có thuyết lại nói rằng: kia cũng ngăn không cho thọ thỉnh riêng, có tâm tức giận không thọ thỉnh riêng, vì trái với thí chủ, trái với hạnh từ bi. Nếu thí chủ kia theo thứ lớp thỉnh tăng rồi, thỉnh riêng Bồ-tát chắc chắn muốn cúng dường, như luận đã chế chẳng thể không thọ, chỉ trừ khai duyên, không thọ không phạm, như văn kia chép. Không trái phạm là, hoặc bị tật bệnh, hoặc không có sức khoẻ, hoặc tâm cuồng loạn, hoặc ở cách xa, hoặc đường đi có sự đáng sợ, hoặc muốn tìm cách, điều phục người phạm lỗi ra khỏi chỗ bất thiện,

an lập chỗ thiện, hoặc trước đã có sự thỉnh khác, hoặc vì không ngừng tu pháp lành, muốn giữ gìn phẩm lành, nên khiến cho không tạm bỏ. Hoặc là dẫn nhiếp nghĩa chưa từng có. Hoặc đã nghe pháp nghĩa không lui sụt. Như tà mạng đã nghe pháp nghĩa không lui sụt, luận về nghĩa chọn lựa nên biết cũng như vậy. Hoặc lại biết người kia có tâm tổn não đối đến mới thỉnh. Hoặc vì hộ người nặng về tâm hiểm hận. Hoặc giữ gìn Tăng chế, mà không đến chỗ ấy thọ thỉnh đều không phạm.

8. Giới không được thỉnh tăng riêng.

Nếu Phật tử có Bồ-tát xuất gia, Bồ-tát tại gia và tất cả đàn việt lúc muốn thỉnh tăng để cúng dường cầu nguyện thì nên vào tăng phường thưa với vị Tri sự. Vị Tri sự bảo rằng: Theo thứ lớp mà thỉnh thì được Hiền Thánh Tăng mười phương, người đời thỉnh riêng năm trăm vị A-la-hán Bồ-tát tăng vẫn không bằng theo thứ lớp thỉnh một vị phạm phu tăng. Trong giáo pháp của bảy Đức Phật đều không có pháp thỉnh tăng riêng. Nếu thỉnh tăng riêng đó là pháp của ngoại đạo, là không thuận với hiếu đạo. Nếu Phật tử cố thỉnh riêng thì phạm tội khinh cấu: Bỏ rộng lớn thì riêng mất ruộng phước rộng lớn kia, cho nên chế không được. Đại thừa, tiểu thừa không cùng chế. Trong pháp của Thanh văn cũng cho phép thỉnh riêng. Trong pháp của Bồ-tát thì bảy chúng đồng cấm, có thuyết cho rằng Bồ-tát thỉnh Tăng trái hội thường không được thỉnh riêng, đều phải theo thứ lớp, thỉnh riêng một vị thì phạm giới này, có thuyết lại cho rằng, một trụ xứ tùy theo người nhiều hay ít thứ lớp thỉnh một vị tăng thì không phạm. Hoặc đều không có người thì phạm, ý vẫn giống như phân giải thích ở trước. Trong văn có Bồ-tát xuất gia chính là chế Bồ-tát không nên thỉnh riêng, và tất cả đàn việt là chế cả người khác. Tuy không có giới để phạm nhưng mất ruộng phước rộng lớn. Ruộng phước thỉnh Tăng cho đến muốn theo thứ lớp thỉnh là chỉ bày phương pháp thỉnh theo thứ lớp. Nghĩa là đạo tục muốn thỉnh tăng để cúng dường cầu nguyện, tâm không đi đến yên định, bất luận trì phạm vì tăng đều thanh tịnh không phi pháp, cho nên chỉ y cứ vào năm pháp kia thành tựu những điều mà người Tri sự hỏi. Nay muốn được thứ lớp thỉnh trong Tăng, tâm không phân biệt nên nói thứ lớp, sẽ được Hiền Thánh Tăng mười phương là ruộng phước rộng lớn dung chứa tất cả Hiền Thánh mười phương, đều vào trong đó. Nếu không được Hiền Thánh, chỉ được một phạm phu, tâm thỉnh đã không chọn riêng, thì phước cũng thân thông cả mười phương nên nói được Hiền Thánh Tăng mười phương. Hỏi: Mười phương tăng khác đã không nhận cúng dường,

vì sao do tâm rộng không mà muốn được thật phước ở mười phương.

Đáp: Tội phước khởi do tâm làm chủ, tâm đã muốn khắp thì phước làm sao không khắp, như người ác giới đối với tất cả loài dê mà khởi tâm ưa thích giết hại, tuy tất cả bày dê đều không bị hại nhưng tất cả dê khởi khắp không có luật nghi, vì dùng ác để lệ cho thiện thì thiện nào mà không như vậy?

Hỏi: Nếu như vậy người không có luật nghi đối với tất cả dê sinh khởi bất luật nghi, người kia giết dê bị nghiệp đạo, bố thí cũng phải như vậy, có lựa chọn riêng chăng?

Đáp: chẳng thể không có nghĩa này, khắp với tất cả tăng được khởi phước cúng dường, chỉ đối với một vị tăng theo thứ lớp khởi phước nghiệp cúng dường, vì ưa thích suy nghĩ đối với người thọ thí. Lại biết không so sánh vì nghiệp giết hại chúng sinh là gốc. Đối với vật bị hại bị nghiệp sát sinh vì bố thí thì tâm xả là chính. Đối với tất cả được phước nghiệp cúng dường, vì ta cúng dường tâm trùm khắp tất cả. Nếu thọ dụng phước, khi cúng dường người sau khởi thỉnh riêng. Thỉnh riêng năm trăm vị A-la-hán Bồ-tát tăng không bằng theo thứ lớp thỉnh một vị phạm phu tăng, nghĩa là thỉnh hàng trăm A-la-hán, hàng trăm Bồ-tát, vì tâm lựa chọn riêng, chỉ đối với người được thỉnh ban phước, chẳng phải chỗ khác theo thứ lớp thỉnh, một Tăng theo thứ lớp không chọn riêng. Nên khắp với tất cả đều khởi phước lành. Trong luật chép, Đức Phật quả Trưởng giả Sư Tử thỉnh tăng riêng ... Dù thỉnh năm trăm vị A-la-hán không bằng thỉnh một phạm phu tăng. Thỉnh tăng riêng là pháp của ngoại đạo. Chư Phật vốn bình đẳng cùng khắp làm chính, vì thế vốn không có pháp thỉnh riêng. Nếu trong luật dạy cho phép thỉnh riêng là linh động thuận theo thể tình quyền thí giáo môn. Như trong Phật pháp không cho phép ăn thịt là muốn dần dần chế, lại cho phép ba thứ thịt thanh tịnh. Ở đây cũng như vậy nên nói là pháp của ngoại đạo, bầy Đức Phật không có vì trái với bản giáo của Phật nên không có đạo hiếu thuận.

9. Giới không Nuôi Sống bằng tà mạng.

Nếu Phật tử, vì tâm ác vì lợi dưỡng buôn bán nam sắc, nữ sắc, tự tay làm đồ ăn, tự xay tự giã, xem tướng, bùa mông tốt xấu, đoán sẽ sinh trai hay gái, bùa chú pháp thuật, cách nuôi chim ó và chó săn, pha chế trăm thứ thuốc độc, ngàn thứ thuốc độc, độc rắn, độc sinh vàng, sinh bạc, độc sâu cỏ, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Nếu cố làm các việc như thế, Phật tử này phạm tội khinh cấu. Hai giới dưới đây,

giải thích về giới đồng, giới đầu ngăn tà mạng, giới sau ngăn tà nghiệp, vì trái với tịnh mạng nên chế. Đại thừa, tiểu thừa đồng chế, bảy chúng đều ngăn ngừa.

Trong văn nói, dùng tâm ác vì lợi dưỡng, chẳng phải kiến cơ ích vật. Buôn bán nam sắc nữ sắc... gồm có mười việc, một là bán nam sắc, nữ sắc, hai là tự tay làm đồ ăn, ba là tự xay tự giã, bốn là xem tướng nam nữ, năm là bàn mộng lành dữ, sáu là bùa chú pháp thuật, bảy là công xảo, tám là phương pháp điều phục chim ó, chín là pha chế thuốc độc, mười là độc sâu cổ. Trong mười việc này, một việc đầu, ba việc sau xuất gia tại gia đều cấm, việc thứ hai thứ ba chế đạo khai cho tục, việc thứ tư thứ năm hoặc là xuất gia tại gia đều cấm, hoặc người thế tục không vì mạng sống thì không phạm, việc thứ sáu thứ bảy không cấm người thế tục, còn Bồ-tát xuất gia nếu không vì mạng sống mà hộ thân thì y theo luật cũng nên cho phép.

10. Giới không làm tà nghiệp.

Nếu Phật tử, vì tâm ác tự mình huỷ báng Tam bảo, mà giả bộ kính mến, miệng thì nói không, mà hành vi lại có, đưa tin cho hai bên nam nữ giao hội, vì người tại gia làm mai mối cho nam cho nữ giao hội dâm sắc, gây thành các nghiệp trái buộc, sáu ngày trai trong mỗi tháng, ba tháng trưởng trai trong mỗi năm, làm việc sát sinh, trộm cướp, phá trai, phạm giới, Phật tử này phạm tội khinh cấu, vì trái với chánh nghiệp cho nên cấm. Đại thừa Tiểu thừa đều cấm, đạo tục đồng ngăn ngừa. Nhưng trong văn xếp vào năm việc, việc thứ năm khi không hiểu kính thì chưa hẳn đều đồng, đến văn sẽ xếp vào. Trong văn chép, tà nghiệp gồm năm việc, một là tự mình huỷ báng Tam bảo, mà làm ra vẻ kính mến, hai là miệng thì nói không, mà việc làm lại ở trong có, ba là làm mai mối cho người tại gia, bốn là làm mai mối cho nam nữ giao hội dâm sắc, năm là vào các ngày trai mà làm ác. Ngoài ra đều do văn hiển bày. Trong việc thứ năm, nếu phá trai, phạm giới thì tùy việc mà kết tội khác. Nay không hiểu kính thì kết chung một tội, một việc nay đối với pháp Thanh văn chưa hẳn chế làm giới riêng.

Trong pháp Bồ-tát, vì đối với pháp lành sinh tâm tha thiết nên chế làm giới. Hoặc là chỉ chế cho tại gia, vì xuất gia đều thọ trì trai bát luận thời gian. Hoặc là cũng chung cho xuất gia, vì lúc cung kính tuy có giới thường, phải vào ngày trai mà thọ. Theo kinh Dược sư thì năm chúng xuất gia cũng thọ tám giới, bởi vì làm cho pháp lành thêm lớn, sáu ngày trai là tháng có trăng và tháng không trăng, mỗi tháng có ba,

vào những ngày này, quỷ thần có thể lực nên tổn hại mọi người, Vào kiếp Sơ Thánh giúp người tránh hại, chế ra pháp trì trai để tránh khỏi sự tổn hại của quỷ thần, chỉ dứt bữa ăn sau Ngọ là trai, chưa chế ra giới pháp. Khi Đức Phật ra đời vẫn theo pháp này lại thêm vào giới thứ tám. Không trăng, có trăng đều có giới thứ tám và ngày mười bốn, đây là sự chia ngày của Ma-hê-thủ-la, mỗi tháng có mười lăm ngày là sự phân chia của tất cả Thần. Nên trong sáu tháng chế thọ pháp trì trai. Ba năm trường trai, kinh Đề-vị chép: Tháng giêng vốn trì trai ngày mười lăm, tháng năm vốn trì trai, ngày mười lăm tháng chín vốn trì trai, ngày mười lăm, là ba ngày trường trai trong năm, nhân duyên như kinh có nói rộng. Kinh Ưu-Bà-tắc chép: Vì người chết mà tu phước gồm có ba tháng giêng mùa xuân, tháng năm mùa hạ và tháng chín mùa thu. Luận Thập Trụ chép: Vào ngày tam khí quỷ thần có thể lực nên ngăn tam khí. Pháp trì trai là từ mùa đông đến bốn mươi lăm ngày sau là tam khí.

Mười giới như thế, phải nên học hết lòng kính trong vâng giữ. Trong phẩm Chế Giới có giảng rõ. Mười giới sau đây tổng kết khuyên thọ trì chỉ rõ ở phẩm khác. Giới thứ hai đến giới thứ chín nói về nhiếp chúng sinh. Trong chín giới đầu phần lớn chia làm hai, giới đầu tiên nói dùng tài vật để nhiếp chúng sinh, tám giới sau nói dùng pháp nhiếp chúng sinh.

